



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 46/2021
Từ 22/11 - 26/11/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

LẬP 6 TỔ CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐƠN ĐỐC
GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 22/11/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 1962/QĐ-TTg thành lập các Tổ công tác kiểm tra, đơn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 tại một số Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

Theo đó, thành lập 6 Tổ công tác kiểm tra, đơn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 tại các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân đến ngày 31/10/2021 dưới 60% kế hoạch được giao do các Phó Thủ tướng Chính phủ và một số Bộ trưởng làm Tổ trưởng, cụ thể:

Tổ công tác số 1 do Phó Thủ tướng Trưởng trực Chính phủ Phạm Bình Minh làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan: Nội vụ, Ngoại giao, Quốc phòng, Tư pháp, Công an, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Tối cao, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc; các địa phương: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Sơn La, Phú Thọ.

Tổ công tác số 2 do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Đài Truyền hình Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Văn phòng Trung ương Đảng, Kiểm toán Nhà nước, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; các địa phương: Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Long An.

Tổ công tác số 3 do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan: Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam; các địa phương: TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Khánh Hòa.

Tổ công tác số 4 do Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam làm Tổ trưởng, kiểm tra các Bộ, cơ quan: Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Đại học quốc gia Hà Nội, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam; các địa phương: Hà Nội, Hưng Yên, Vĩnh Phúc.

Tổ công tác số 5 do Bộ trưởng Bộ Tài chính làm Tổ trưởng, kiểm tra các địa phương: Quảng Trị, Quảng Bình, An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Cà Mau.

Tổ công tác số 6 do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng, kiểm tra các địa phương: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Nam.

Thành phần tham gia các Tổ công tác của lãnh đạo Chính phủ gồm lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ và một số cơ quan liên quan. Thành phần cụ thể từng Tổ công tác do Tổ trưởng quyết định.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương thuộc đối tượng kiểm tra báo cáo bằng văn bản trước khi Tổ công tác làm việc.

Đối tượng và phạm vi, thời gian kiểm tra, đôn đốc: Các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân đến ngày 31/10/2021 dưới 60% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; các dự án đang triển khai thực hiện trong năm 2021 và một số dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách năm năm 2022.

Thời gian kiểm tra: Từ ngày 22/11/2021 đến hết ngày 10/12/2021.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác

Tổ công tác có nhiệm vụ tổ chức rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc; phân tích nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư công, nhất là dự án sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài tại các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương; đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Giải thích, hướng dẫn thực hiện thống nhất quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định có liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công.

Đánh giá việc chấp hành quy định về lập, phân bổ, giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2021 của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

Đánh giá việc triển khai các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết số: 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, số 45/NQ-CP ngày 05/4/2021, số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021; các Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ; Công điện số 1082/CĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo số 262/TB-VPCP ngày 05/10/2021 của Văn phòng Chính phủ và các chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

Xem xét trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, rà soát, xử lý các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong giải ngân đầu tư công tại từng bộ, cơ quan, địa phương, trong đó có trách nhiệm người đứng đầu.

Tổ công tác có nhiệm vụ báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả kiểm tra và đề xuất, kiến nghị cụ thể (nếu có), gửi Thủ tướng Chính phủ trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra đối với bộ, cơ quan Trung ương và địa phương. Lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực các Tổ công tác do lãnh đạo Chính phủ làm Tổ trưởng, có trách nhiệm giúp Tổ trưởng xây dựng báo cáo tổng hợp tình hình, kết quả kiểm tra và đề xuất kiến nghị của Tổ công tác.

Quyết định cũng nêu rõ Tổ công tác có quyền hạn yêu cầu các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu, cử cán bộ phối hợp thực hiện và giải quyết vướng mắc của bộ, cơ quan Trung ương, địa phương đó.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

Ngày 22/11/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1968/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”.

Quan điểm chỉ đạo xây dựng Đề án được xác định: Xây dựng, phát triển Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, lợi ích mang lại cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thị trường là thước đo đánh giá sự thành công của việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, trước tiên hướng tới sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt của các cơ quan quản lý nhà nước, việc chuyển đổi mạnh mẽ nhận thức của người đứng đầu các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Dữ liệu là tài nguyên cốt lõi để xây dựng, phát triển hệ sinh thái xúc tiến thương mại số, tổ chức, quản lý, khai thác dữ liệu xúc tiến thương mại một cách đồng bộ, toàn diện, ưu tiên thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin của Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; Phát triển các nền tảng số, ứng dụng số nhằm hỗ trợ khai thác dữ liệu, kết nối thị trường, dựa trên thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên triển khai ngay một số mô hình được thị trường nước ngoài khai thác có hiệu quả, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Đề án xác định mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan xúc tiến thương mại thuộc Chính phủ, tổ chức hỗ trợ xúc tiến thương mại và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên cơ sở hình thành, phát triển Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; Nâng cao nhận thức, năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển ngoại thương và thương mại trong nước, góp phần tái cơ cấu ngành Công Thương. Cụ thể hóa mục tiêu trên, Đề án cũng xác định các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và năm 2030.

Để đạt được mục tiêu, các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tập trung vào: (1) Xây dựng và phát triển Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, ban hành tiêu chí đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, quy định, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan; (3) Nâng cao nhận

thức, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hợp tác trong nước và quốc tế.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

PHÁT TRIỂN MỘT SỐ BÁO IN VÀ BÁO ĐIỆN TỬ ĐỐI NGOẠI QUỐC GIA

Ngày 24/11/2021, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam ký Quyết định 1976/QĐ-TTg phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển một số báo in và báo điện tử đối ngoại quốc gia giai đoạn 2022 - 2030.

Mục tiêu nhằm phát triển báo in Việt Nam News, tạp chí in Báo Ảnh Việt Nam và Báo Điện tử VietnamPlus của Thông tấn xã Việt Nam thành các báo in và báo điện tử đối ngoại quốc gia, hoàn thành tốt nhiệm vụ thông tin đối ngoại theo đường lối, chủ trương của Đảng chính sách, pháp luật của Nhà nước ta.

Các sản phẩm thông tin đối ngoại quốc gia của Thông tấn xã Việt Nam đạt được các tiêu chí cụ thể sau đây:

Đối với Báo Việt Nam News (VNS), tăng số lượng, chất lượng tin, bài chuyên sâu và các chuyên trang, chuyên mục, đảm bảo chất lượng thông tin và đạt hiệu quả cao về tuyên truyền đối ngoại; phát triển nguồn bạn đọc báo e-paper VNS; đưa báo in kết hợp e-paper và báo điện tử trở thành sản phẩm chủ lực của VNS. Hoàn thiện các phiên bản e-paper và tăng cường thông tin đa phương tiện trên các nền tảng internet, di động, mạng xã hội để hỗ trợ cho báo in.

Mở rộng địa bàn truy cập của báo đến các khu vực trọng điểm trên thế giới, các nước lớn và tăng lượng truy cập so với giai đoạn trước.

Với Báo Ảnh Việt Nam, phát hành miễn phí Báo Ảnh Việt Nam (bản in) từ 140 nước tăng lên 160 nước, ưu tiên độc giả vùng biên giới Việt Nam với Lào, Trung Quốc và các nước khu vực Mỹ Latin nhằm tăng cường sự hiện diện, quảng bá hình ảnh Việt Nam đến độc giả quốc tế. Số lượng phát hành các ngữ cụ thể như sau: Báo tiếng Anh 8.000 cuốn/tháng, báo tiếng Trung Quốc 5.000 cuốn/tháng, báo tiếng Tây Ban Nha 5.000 cuốn/tháng, báo tiếng Lào 3.000 cuốn/tháng, báo tiếng Khmer 3.000 cuốn/tháng, từ năm 2023.

Phát hành Báo Ảnh Việt Nam để làm công tác dân vận, tuyên truyền đối ngoại tại các cửa khẩu biên giới; qua các đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài đến độc giả nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài. Từ sau năm 2025, Báo Ảnh Việt Nam sẽ giảm dần số lượng in và phát hành bản giấy (mỗi năm giảm khoảng 10% so với năm trước) và phát triển Báo Ảnh Việt Nam điện tử với 10 ngôn ngữ, có giao diện hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới, đáp ứng yêu cầu thông tin đối ngoại.

Với Báo Điện tử VietnamPlus, nâng cao chất lượng biên tập, biên dịch trên Báo Điện tử VietnamPlus; phấn đấu trở thành báo điện tử tích hợp nhiều loại hình thông tin nhất, đi đầu về ứng dụng công nghệ mới vào quy trình sản xuất thông tin điện tử, đáp ứng yêu cầu của độc giả.

Xây dựng phiên bản tiếng Hàn Quốc trên Báo Điện tử VietnamPlus từ năm 2023, phiên bản tiếng Nhật Bản từ năm 2026, phiên bản tiếng Đức từ năm 2029 và phát trên mạng internet thông qua cổng thông tin điện tử của Thông tấn xã Việt Nam để cung cấp cho hệ thống truyền thông và độc giả sử dụng ngôn ngữ tiếng Hàn Quốc, Nhật Bản và Đức.

Đưa VietnamPlus trở thành 1 trong 5 báo điện tử Việt Nam có lượng truy cập cao nhất từ nước ngoài, trọng tâm nhắm đến các địa bàn Bắc Mỹ, châu Âu, ASEAN và Australia.

Nâng cao số lượng và chất lượng thông tin

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển một số báo in và báo điện tử đối ngoại quốc gia giai đoạn 2022 - 2030 là nâng cao số lượng và chất lượng thông tin. Cụ thể, nâng cao số lượng và chất lượng thông tin đối ngoại, thông tin kịp thời, có sức thuyết phục về tình hình đất nước và con người Việt Nam.

Không ngừng đổi mới về nội dung thông tin, tăng số lượng, chất lượng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề phù hợp với đặc thù của từng địa bàn, nhu cầu của từng nước và theo lĩnh vực để thu hút độc giả. Tăng cường sử dụng chuyên gia nước ngoài có chuyên môn, trình độ ngôn ngữ báo chí để nâng cao chất lượng biên tập, biên dịch và tăng lượng thông tin đối ngoại viết trực tiếp bằng tiếng nước ngoài để phù hợp văn phong, ngôn ngữ và hấp dẫn độc giả.

Sản xuất các sản phẩm thông tin đa phương tiện theo xu hướng báo chí mới, hiện đại trên nền tảng công nghệ số, cung cấp thông tin lên các trang mạng xã hội để thu hút độc giả.

Về công tác quảng bá và phát hành sản phẩm, đa dạng hóa các kênh phát hành của báo in thông qua các kênh ngoại giao, du lịch, đầu tư, hợp tác trao đổi thông tin với các hãng thông tấn báo chí quốc tế... Phát triển mạnh báo in dưới dạng điện tử (e-paper), báo điện tử để mở rộng phạm vi phát hành đến những địa bàn xa, đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm.

Xây dựng kế hoạch quảng bá, tuyên truyền cho các sản phẩm báo chí đối ngoại quốc gia của Thông tấn xã Việt Nam theo đối tượng, mục tiêu từng giai đoạn. Tận dụng tối đa các kênh truyền thông xã hội nhằm lan tỏa thông tin, tiết kiệm chi phí và phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ, sự thay đổi về phương thức tiếp cận thông tin của độc giả.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ báo chí hiện đại

Nhiệm vụ và giải pháp khác là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ báo chí hiện đại; đầu tư trang thiết bị và công nghệ đáp ứng yêu cầu làm báo hiện đại, đa phương tiện ở tất cả các khâu sản xuất, biên tập, quản lý, lưu trữ, chế bản điện tử, quản lý điều hành...

Xây dựng đội ngũ phóng viên, biên tập viên làm thông tin đối ngoại chuyên nghiệp, vững vàng về bản lĩnh chính trị, đạo đức của người làm báo, thành thạo ngoại ngữ, có kiến thức chuyên môn sâu, tâm huyết với nghề; thường xuyên đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng làm báo hiện đại cho các phóng viên, biên tập viên.

Đẩy mạnh hợp tác, trao đổi thông tin quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực với các hãng thông tấn lớn trên thế giới để tăng cường trao đổi, chia sẻ các sản phẩm thông tin đối ngoại của Thông tấn xã Việt Nam tới các đối tượng độc giả ở nước ngoài và nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho phóng viên làm thông tin đối ngoại.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA QUY ĐỊNH KINH DOANH THUỘC QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Ngày 24/11/2021, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành ký Quyết định số 1977/QĐ-TTg phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Quyết định cắt giảm, đơn giản hóa một số thủ tục hành chính liên quan đến 12 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực đường bộ, 6 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực hàng không, 5 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực hàng hải, 1 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực đường sắt, 3 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực đăng kiểm và 2 ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực đường thủy nội địa.

Cụ thể, về dịch vụ đào tạo lái xe ô tô, Quyết định sửa đổi quy định điều kiện sở hữu về xe tập lái theo hướng “Xe tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo” và bỏ quy định “Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 1 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng”.

Trong kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển, Quyết định bỏ điều kiện “Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế” để doanh nghiệp tự quyết định.

Trong lĩnh vực đăng kiểm, về quy định kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa, Quyết định cắt giảm 2 sản phẩm, hàng hóa khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước khi thông quan (đối với nhập khẩu), trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp).

Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển 14 sản phẩm, hàng hóa từ danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ: LÀM VIỆC VỚI VIỆN NGHIÊN CỨU QUỐC GIA NHẬT BẢN

Nhân chuyến thăm chính thức Nhật Bản của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Đoàn Đại biểu cấp cao Việt Nam, sáng ngày 24/11, tại Tokyo, Nhật Bản, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã có buổi làm việc với Viện Nghiên cứu Chính sách quốc gia Nhật Bản (GRIPS).

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cho biết, trong những năm vừa qua, GRIPS có quan hệ hợp tác đào tạo, bồi dưỡng rất tốt với Việt Nam. Nhiều cán bộ cấp chiến lược của Việt Nam đã học tập sau đại học tại GRIPS và nhiều người là lãnh đạo, quản lý ở các ban, bộ, ngành Trung ương, viện nghiên cứu, trường đại học.

Phần lớn các thành viên Đoàn đàm phán WTO đầu tiên của Việt Nam cũng đều đã học tập tại GRIPS. Viện GRIPS cũng đã học bổng toàn phần dành cho chương trình đào tạo thạc sĩ hoặc tiến sĩ về nghiên cứu chính sách dành cho cán bộ, công chức, viên chức Việt Nam. Hiện đang có 12 sinh viên Việt Nam đang học tại GRIPS.

Về hợp tác bồi dưỡng cán bộ, công chức theo Đề án 165, từ năm 2014 đến 2019, trung bình mỗi năm Việt Nam có 02 đoàn sang học tập tại GRIPS. Tổng số cán bộ, công chức đã học theo Đề án 165 là khoảng 100 người. Do tình hình dịch bệnh COVID-19 nên trong 2 năm nay, việc cử cán bộ, công chức sang học tập tại GRIPS tạm thời bị gián đoạn.

Do đó, Bộ trưởng mong muốn, hai bên cùng nhau đánh giá lại Chương trình 165 để tiếp tục thực hiện đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà cũng cho biết, Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam thông qua chương trình của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hướng dẫn đào tạo 45 giảng viên đến GRIPS học tập nghiên cứu, nâng cao kỹ năng và phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, còn có 50 thành viên thuộc các cơ quan của Bộ Nội vụ cũng như Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam đã sang Nhật Bản nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm từ GRIPS.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà mong muốn, ngoài Chương trình 165, GRIPS chia sẻ, hỗ trợ đào tạo đội ngũ giảng viên Học viện Hành chính Quốc gia có thêm phương pháp, kỹ năng, kinh nghiệm để làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức của nền hành chính Việt Nam.

Bộ trưởng cũng mong muốn hợp tác với GRIPS để chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao chương trình cải cách hành chính công, xây dựng chính sách công phục vụ cho yêu cầu phát triển Việt Nam trong giai đoạn mới.

“Thủ tướng Chính phủ của chúng tôi rất mong muốn xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại dân chủ và thật sự tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đây cũng chính là tinh thần được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng của chúng tôi”, Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhấn mạnh.

Tiếp lời Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà, Viện trưởng GRIPS, ông TANAKA Akihiko bày tỏ vui mừng khi nghe Bộ trưởng Bộ Nội vụ khen ngợi chương trình 165 đào tạo trực tiếp các cán bộ từ cấp cơ sở địa phương đến cấp lãnh đạo Trung ương của Việt Nam trong thời gian qua.

Viện phó GRIPS, ông TAKADA Hirofumi cho biết, sau buổi làm việc hôm nay, GRIPS tiếp tục hợp tác mạnh mẽ hơn để làm sao tiếp tục triển khai chương trình 165 sớm nhất và rộng rãi hơn.

Còn chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam, dù chương trình này đã kết thúc nhưng GRIPS vẫn quyết định mở một chương trình theo hình thức mới để giúp Việt Nam đào tạo thêm nhiều cán bộ hơn nữa.

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất củng cố lại chương trình 165 cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược, sau khi dịch được kiểm soát ổn định hơn. Cùng với đó sẽ tiếp tục mở chương trình mới đào tạo giảng viên cho Học viện Hành chính Quốc gia Việt Nam.

Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà mong muốn GRIPS hỗ trợ đào tạo theo từng đợt, trước mắt hai bên cùng bàn, thống nhất xây dựng chương trình hợp tác chung từ nay đến 2025.

Hai bên thống nhất sẽ có một buổi ký kết những thỏa thuận đã đạt được hôm nay để triển khai các chương trình đào tạo trong thời gian tới.

* Tiếp tục chuyến công tác tại Nhật Bản, sáng ngày 24/11, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà đã có buổi làm việc với Trường Đại học Hiroshima.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà đề xuất hợp tác và nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực với Đại học Hiroshima trong việc thúc đẩy hòa bình và bền vững thông qua các hoạt động và chương trình cụ thể.

Sau khi trao đổi, thảo luận, Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà và Hiệu trưởng Trường Đại học Hiroshima, GS. Mitsuo Ochi đã thống nhất ba vấn đề lớn. Đó là cùng hợp tác đào tạo thạc sĩ cho các lãnh đạo trẻ tương lai của Việt Nam, đào tạo ngắn hạn cho cán bộ, công chức, trong đó ưu tiên cho địa phương; trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ, hỗ trợ về nền quản trị nhân sự dựa trên nền tảng công nghệ và chuyển đổi số để quản trị nền hành chính công; đồng thời, hai bên cùng thống nhất liên kết đào tạo thạc sĩ cho Học viện Hành chính Quốc gia ở Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội.

Hai bên thống nhất từ nay đến cuối năm 2021, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam và Hiệu trưởng Đại học Hiroshima sẽ ký một bản ghi nhớ về ba vấn đề nói trên.

Nguồn: moha.gov.vn

“CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA NGÀNH GIÁO DỤC ĐÁNG RA CẦN LÀM SỚM HƠN”

Ngày 23/11, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn chủ trì phiên họp của Ủy ban về giáo dục và phát triển nhân lực, thuộc Hội đồng quốc gia phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tại phiên họp, các thành viên Ủy ban thảo luận, cho ý kiến về dự thảo Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021-2025” do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng.

Trình bày dự thảo Đề án, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo) Nguyễn Sơn Hải cho biết, mục tiêu chung của Đề án là thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học, quản lý nhà nước về giáo dục và quản trị nhà trường, góp phần tạo chuyển biến về chất lượng và hiệu quả của hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành nền tảng số cho xã hội học tập, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng tốt với chi phí thấp cho người dân, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Trong giai đoạn 2021 - 2025 Đề án sẽ tập trung vào các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu như hoàn thiện cơ chế chính sách, đổi mới quản trị, quản lý nhà nước về giáo dục; phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy và học; phát triển nhân lực số. Trong đó, sẽ triển khai nền tảng quản trị tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; triển khai các mô hình dạy học tiên tiến trên nền tảng số.

Đồng thời, phát triển kho học liệu số, học liệu mở dùng chung, bài giảng điện tử, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử; triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM, phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp, nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học đảm bảo quản lý và làm việc hiệu quả trên môi trường số...

Cho ý kiến về dự thảo Đề án, ông Lê Đăng Dũng, Quyền Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) cho rằng: "Chuyển đổi số của ngành Giáo dục cần làm sớm hơn vì nó tác động rất nhiều đến chất lượng đầu ra của giáo dục, đào tạo. Đầu ra đó chính là nguồn lực cho doanh nghiệp, cũng như nguồn lực chính để chuyển đổi số quốc gia".

Nhận định chuyển đổi số trong giáo dục không khó về công nghệ mà vấn đề ở nhận thức, thay đổi thói quen, cùng với đó là cơ chế chính sách, hành lang pháp lý cho chuyển đổi số giáo dục..., ông Lê Đăng Dũng đưa ra 3 việc lớn cần làm. Đầu tiên là xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành, cơ sở dữ liệu này phải đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Trên cơ sở dữ liệu đó để xây dựng các trung tâm điều hành, quản lý ngành. Cuối cùng là xây dựng các nhà trường thông minh.

Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa Hà Nội Huỳnh Quyết Thắng lại cho rằng, có 3 nhóm vấn đề chính cần giải quyết khi triển khai chuyển đổi số trong giáo dục. Nhóm vấn đề đầu tiên là công nghệ. Nhóm vấn đề thứ 2 liên quan đến con người, học liệu, phương pháp

học tập. Cuối cùng là quản trị và chính sách. Cụ thể, quản trị từ Bộ đến các nhà trường phải thay đổi, kèm theo đó là chính sách kịp thời để công nhận kết quả ứng dụng được từ công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Giám đốc Đại học Đà Nẵng Nguyễn Ngọc Vũ chia sẻ, trong điều kiện dịch bệnh COVID-19, các nhà trường đã hết sức chủ động, linh hoạt chuyển sang dạy học trực tuyến, góp phần hoàn thành nhiệm vụ. Do đó, chuyển đổi số là việc hết sức cần thiết, trong trước mắt cũng như lâu dài. Rút kinh nghiệm từ thực tiễn, ông Vũ đặc biệt nhấn mạnh ngay từ đầu cần có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất, có tổng chỉ huy, có phân cấp, phân quyền. Có như vậy mới thuận lợi trong triển khai đồng bộ và kết nối thuận lợi.

Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh Vũ Hải Quân lưu ý tới việc cần làm rõ nội hàm của việc dạy học trực tuyến để đưa ra các mục tiêu phù hợp, hiệu quả. Đồng thời, cần hình thành các kho học liệu trực tuyến, trong đó quan tâm tới các kho học liệu mở của thế giới và có chính sách thúc đẩy sử dụng các kho học liệu này. Bên cạnh đó, cần hình thành một số nền tảng dạy và học trực tuyến phù hợp, tiết kiệm chi phí.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn, Chủ tịch Ủy ban Giáo dục và Phát triển nhân lực cho biết, ngành Giáo dục xác định ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là một trong những khâu có tính đột phá, hướng đến tạo ra những thay đổi quan trọng trong giáo dục và đây là công việc không phải một sớm một chiều có thể thực hiện được, song cần phải bắt đầu ngay và phải được làm thường xuyên, với hy vọng 5 - 10 năm sau công cuộc chuyển đổi số của ngành sẽ đạt kết quả.

Theo Bộ trưởng, chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ dừng lại ở việc dạy và học, mà phạm vi vô cùng rộng lớn, ở đó tất cả các hoạt động, quan hệ, thao tác đang thực hiện sẽ được đặt trong nền tảng số để vận hành. Chuyển đổi số cũng không phải để thay cho yếu tố thực tại, trực tiếp, sinh động mà các yếu tố thực tại được đặt vào chuyển đổi số, qua đó vận hành tốt hơn, kết nối hơn, rộng mở hơn, tạo ra nhiều cơ hội học tập hơn, làm cho công cuộc vận hành giáo dục trong thực tại hiệu quả và chất lượng hơn.

Để có được hành động quyết liệt trong chuyển đổi số, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho rằng, cần phải thấy hết tiện ích, lợi thế của chuyển đổi số, từ đó có hướng cho những tiện ích, lợi thế được thể hiện. Với giáo dục, đó là quản trị tốt hơn, người dạy thuận tiện hơn, việc học chất lượng hơn. “Nếu thực hiện tốt đây sẽ là cú hích làm thay đổi tư duy giáo dục, quản trị giáo dục, thay đổi nghề nghiệp của người dạy và hoạt động của người học. Hướng tới giải quyết những vấn đề mang tính bền vững, lâu dài trong ngành giáo dục”, Bộ trưởng Nguyễn Kim Sơn nhấn mạnh.

Đề cập đến một số vấn đề được cho là khó khi triển khai chuyển đổi số giáo dục, Bộ trưởng cho rằng, đó là cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, là việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, là nhận thức, tư duy, năng lực, văn hóa số, sự chuẩn bị của thể chế, hệ thống văn bản quản lý điều hành, vấn đề tài chính. Tuy nhiên, theo Bộ trưởng, chuyển đổi số là đột phá, vì vậy, sẽ phải từng bước khả thi hóa từng nội dung, mục tiêu đặt ra.

Nguồn: vov.vn

BỘ TÀI CHÍNH HỢP TÁC VỚI TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bộ Tài chính và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Tập đoàn Viettel) vừa chính thức ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.

Việc ký kết hợp tác giữa hai bên nhằm mục đích tư vấn, thử nghiệm, đào tạo và chuyển giao các công nghệ, giải pháp, nền tảng công nghệ thông tin và chuyển đổi số do Tập đoàn Viettel nghiên cứu, phát triển, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách của Bộ Tài chính theo định hướng chuyển đổi số và kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Tài chính giai đoạn 2021 - 2025.

Theo nội dung biên bản được ký kết, Bộ Tài chính và Tập đoàn Viettel sẽ hợp tác trong tư vấn, thử nghiệm các giải pháp nền tảng công nghệ thông tin và chuyển đổi số; lĩnh vực đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Cụ thể, Tập đoàn Viettel sẽ cung cấp chuyên gia tư vấn, hỗ trợ đánh giá và đề xuất các phương án chuẩn hóa tối ưu các hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của ngành Tài chính.

Tập đoàn Viettel cung cấp chuyên gia, phối hợp với Bộ Tài chính để tư vấn, nghiên cứu và thử nghiệm một số công nghệ, giải pháp của chuyển đổi số; hỗ trợ tư vấn, nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp, công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng các ứng dụng nghiệp vụ nội bộ; hỗ trợ tư vấn các giải pháp công nghệ, quy hoạch tổng thể hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng của Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông...

Bên cạnh đó, Tập đoàn Viettel cũng sẽ hợp tác với Bộ Tài chính trong việc đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin; xây dựng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, trọng tâm vào một số công nghệ, giải pháp “lõi” của chuyển đổi số như: công nghệ điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật; hỗ trợ tư vấn và thử nghiệm các giải pháp đào tạo trực tuyến (e-Learning) tại Bộ Tài chính.

Thông qua việc ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên, Bộ Tài chính sẽ chia sẻ với Tập đoàn Viettel các định hướng chiến lược phát triển ngành Tài chính, các định hướng về cải cách quy trình nghiệp vụ và định hướng chuyển đổi số của ngành Tài chính để cùng nhau hợp tác.

Phát biểu tại Lễ ký kết, Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc cảm ơn Tập đoàn Viettel nhiều năm qua đã tích cực phối hợp, hỗ trợ Bộ Tài chính trong triển khai nhiều dịch vụ công nghệ thông tin, giải pháp phần mềm cho ngành Tài chính.

Đồng thời bày tỏ mong muốn, trong thời gian tới, Tập đoàn Viettel với các thế mạnh của mình tiếp tục đồng hành, hỗ trợ Bộ Tài chính nghiên cứu, tư vấn các giải pháp công nghệ, chuyển đổi số trong các lĩnh vực nghiệp vụ của Bộ.

Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Viettel Lê Đăng Dũng nhấn mạnh, Viettel sẽ chuẩn bị các nguồn lực của Tập đoàn để hỗ trợ Bộ Tài chính triển khai chuyển đổi số một cách hiệu quả nhất.

Nguồn: baophaphuat.vn

KẾT NỐI, CHIA SẺ CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Chiều ngày 22/11, tại Hà Nội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có buổi làm việc cùng Ngân hàng chính sách xã hội về trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

Tham dự buổi làm việc về phía Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Liệu, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc: công nghệ thông tin, Đầu tư Quỹ, Pháp Chế, Tài chính - kế toán... Về phía Ngân hàng chính sách xã hội có Phó Tổng Giám đốc Hoàng Minh Tế; lãnh đạo các Ban Tín dụng Người nghèo; Ban Pháp chế...

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Hoàng Minh Tế cho biết, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam được đánh giá là một trong những cơ quan thuộc Chính phủ đi đầu trong ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đồng thời, một trong những cơ quan đi đầu trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu trong đó có cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, liên thông và tích hợp nhiều dịch vụ trên Cổng dịch vụ công quốc gia... đem lại nhiều lợi ích trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người lao động khi tham gia, thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

"Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế, Ngân hàng chính sách xã hội mong muốn được ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chia sẻ kinh nghiệm, cách thức triển khai, hỗ trợ các phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu để Ngân hàng chính sách xã hội nghiên cứu áp dụng, đồng thời kết nối, chia sẻ thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm... Qua đó, góp phần giúp Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện tốt nhiệm vụ được Chính phủ giao, tránh lợi dụng, trục lợi chính sách...", ông Tế nói.

Trao đổi về việc chia sẻ, kinh nghiệm, kết nối chia sẻ dữ liệu thông tin, Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Liệu cho biết, nắm bắt xu thế chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu và định hướng, chiến lược chuyển đổi số Quốc gia và sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, trong những năm qua, ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã và đang đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin của Ngành theo định hướng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, tích hợp, tập trung cấp quốc gia, hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng, với quy trình nghiệp vụ tự động hóa mức độ cao, được vận hành bởi nguồn nhân lực công nghệ thông tin chuyên nghiệp, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đảm bảo an sinh xã hội quốc gia, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, toàn diện hơn trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Hiện tại, toàn ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang có gần 30 hệ thống ứng dụng; quản lý cơ sở dữ liệu của gần 98 triệu người dân, tương ứng với gần 28 triệu hộ gia đình trên toàn quốc; với hơn 20 nghìn tài khoản công chức, viên chức, người lao động trong Ngành thường xuyên truy cập, khai thác và sử dụng để thực hiện các nghiệp vụ của Ngành; kết nối liên thông với trên 12.000 cơ sở khám chữa bệnh và hơn 500.000 tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trên toàn quốc và các bộ, ngành. Cơ sở dữ liệu của Ngành được chuẩn hóa, phục vụ cho công tác thực thi nhiệm vụ của Ngành.

"Thực hiện Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, đây là 1 trong 6 Cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng, được Chính phủ ưu tiên triển khai, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam được giao là đơn vị chủ quản của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Hiện nay, bảo hiểm xã hội đang kết nối với các bộ, ngành liên quan và tích cực triển khai nhiệm vụ này" - ông Liêu cho biết.

Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Liêu cũng nhấn mạnh, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với vai trò là cơ quan tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với các cơ quan Nhà nước theo chỉ đạo của Chính phủ và phù hợp với những quy định về trình tự kết nối và chia sẻ dữ liệu.

Tại buổi làm việc, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội đã đề xuất được hỗ trợ cung cấp thông tin liên quan đến cá nhân, hộ gia đình, người dự dụng lao động; các phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa 2 ngành. Đồng thời, đề xuất các trình tự triển khai, phối hợp thực hiện...

Kết luận buổi làm việc, Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Liêu đánh giá cao tinh thần phối hợp, kết nối của Ngân hàng chính sách xã hội cùng hướng đến mục tiêu chung là phục vụ tốt nhất người dân, công tác an sinh xã hội. Đồng thời, giao các Ban nghiệp vụ kết nối, phối hợp với nhau để cùng thống nhất, báo cáo Tổng Giám đốc 2 ngành để xây dựng Quy chế phối hợp nhằm thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Nguồn: baochinhphu.vn

AI SỞ HỮU NỀN TẢNG LƯU TRỮ DỮ LIỆU THÌ CHẮC CHẴN THẮNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Đây là nhận định của Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phạm Đức Long tại Hội thảo về hiện trạng và định hướng phát triển điện toán đám mây tại Việt Nam tổ chức ngày 22/11.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phạm Đức Long cho biết hiện nay Việt Nam đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 20% GDP vào năm 2025 và chiếm 30% vào năm 2030. Đồng thời, kinh tế của ngành ICT dự kiến chiếm khoảng 6 - 6,5%, trong đó doanh nghiệp điện toán đám mây dự kiến đóng góp 1% GDP. Thứ trưởng cũng cho rằng để phát triển kinh tế số, hạ tầng số phải đi trước một bước để đảm bảo sẵn sàng và tạo động lực cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số phát triển.

Thứ trưởng Phạm Đức Long cho biết thêm, vừa qua, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có định hướng Việt Nam nỗ lực đạt được 70% thị trường điện toán đám mây trong nước. Đồng thời Chính phủ đang quyết liệt đẩy chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số.

Theo Thứ trưởng, muốn phát triển kinh tế số hay thúc đẩy ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), Trí tuệ nhân tạo (AI) thì dữ liệu là quan trọng nhất. Đặc biệt Thứ trưởng nhấn mạnh rằng, muốn có dữ liệu thì phải có chỗ lưu trữ và xử lý dữ liệu. Ai sở hữu nền tảng lưu trữ dữ liệu thì chắc chắn thắng cuộc trong công cuộc chuyển đổi số đất nước.

Thứ trưởng chia sẻ, nếu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây làm như cách các doanh nghiệp công nghệ thông tin làm trước đây về cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin thì không bao giờ đạt được kỳ vọng 1% GDP, đóng góp 20% vào kinh tế số. Các doanh nghiệp phải tính toán, xem xét các lợi thế, chất lượng, dịch vụ, thị trường, đường truyền... và đề xuất nhà nước hỗ trợ để thúc đẩy thị phần.

Cuối cùng, Thứ trưởng Phạm Đức Long đề nghị các doanh nghiệp điện toán đám mây phải hợp tác mạnh mẽ, chia theo nhóm làm nền tảng, hạ tầng, dịch vụ điện toán đám mây để hợp tác, phát triển. Làm việc theo nhóm để điện toán đám mây của Việt Nam mạnh lên, được tập trung đầu tư để phát triển.

Thứ trưởng nhấn mạnh: "Điện toán đám mây là hội tụ của công nghệ thông tin - viễn thông nếu "lui cui" một mình thì không thể mạnh được. Cơ quan quản lý nhà nước sẽ đề xuất các chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường nhưng doanh nghiệp phải chứng minh đảm bảo về công nghệ, kỹ thuật để cùng tiến tới hệ sinh thái toàn diện, liên kết. Chúng ta muốn đi xa thì phải đi cùng nhau". Đặc biệt, Thứ trưởng Phạm Đức Long đề nghị các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện toán đám mây trong nước chủ động hợp tác, đề xuất các chính sách để chiếm lĩnh thị trường trong nước.

Được biết, Việt Nam hiện có 39 nhà cung cấp dịch vụ đám mây, 27 trung tâm dữ liệu của 11 doanh nghiệp, các doanh nghiệp Việt chiếm thị phần 19,68%, các doanh nghiệp nước ngoài chiếm khoảng 80,32%. Tổng giá trị thị trường điện toán đám mây năm 2020 là 196,11 triệu USD và dự báo năm 2026 là 603,34 triệu USD với tốc độ tăng trưởng là 18,8%/năm.

Nguồn: viettimes.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.**

Dự thảo nêu rõ, các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ được áp dụng Bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước (Bảng 2) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được sửa đổi tại Nghị định số 17/2013/NĐ-CP như sau:

Ngạch kiểm tra viên cao cấp thuế, kiểm tra viên cao cấp hải quan được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm A3.1. Ngạch kế toán viên cao cấp được áp dụng hệ số lương công chức loại A3, nhóm A3.2.

Ngạch kiểm tra viên chính thuế, kiểm tra viên chính hải quan, kỹ thuật viên bảo quản chính được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.1; ngạch kế toán viên chính được áp dụng hệ số lương công chức loại A2, nhóm A2.2.

Ngạch kế toán viên, kiểm tra viên thuế, kiểm tra viên hải quan, kỹ thuật viên bảo quản được áp dụng hệ số lương công chức loại A1.

Ngạch kế toán viên trung cấp, kiểm tra viên trung cấp thuế, kiểm tra viên trung cấp hải quan, kỹ thuật viên bảo quản trung cấp, thủ kho bảo quản (mới) được áp dụng hệ số lương công chức loại A0.

Ngạch nhân viên hải quan, nhân viên thuế (mới) được áp dụng hệ số lương công chức loại B.

Ngạch nhân viên bảo vệ kho dự trữ được áp dụng hệ số lương công chức loại C, nhóm C1.

Dự thảo nêu rõ về phân công tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kế toán, hải quan, dự trữ.

Theo đó, Bộ Tài chính chủ trì tổ chức: a) Thi nâng ngạch công chức lên các ngạch Kế toán viên cao cấp, Kiểm tra viên cao cấp Thuế, Kiểm tra viên cao cấp Hải quan; Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I (Kế toán viên cao cấp, Kiểm tra viên cao cấp hải quan). b) Thi nâng ngạch công chức lên các ngạch Kế toán viên chính (đối với công chức thuộc quản lý của Bộ Tài chính), Kiểm tra viên chính Thuế, Kiểm tra viên chính Hải quan, Kỹ thuật viên bảo quản chính; Thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II (Kiểm tra viên chính hải quan, Kỹ thuật viên bảo quản chính). c) Thi nâng ngạch công chức lên các ngạch Kế toán viên (đối với công chức thuộc quản lý của Bộ Tài chính), Kiểm tra viên thuế, Kiểm tra viên hải quan, Kỹ thuật viên bảo quản; Kiểm tra viên trung cấp thuế, Kiểm tra viên trung cấp hải quan, Thủ kho bảo quản.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức: Thi nâng ngạch công chức thuộc phạm vi quản lý lên ngạch Kế toán viên chính, Kế toán viên theo quy định.

Đối với việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II (kế toán viên chính), lên hạng III (Kế toán viên) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

*** Bộ Tài chính đang đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13).**

Bộ Tài chính cho biết, ngày 26/11/2014, Quốc hội ban hành Luật số 69/2014/QH13, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2015. Sau hơn 6 năm thực hiện, Luật số 69/2014/QH13 tạo hành lang pháp lý cho việc đầu tư vốn Nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp nhà

nước đã được xây dựng đồng bộ phù hợp với yêu cầu đổi mới, hội nhập, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; các cơ chế, chính sách đã tạo môi trường pháp lý đầy đủ, ổn định cho hoạt động quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua, một số chủ trương, quan điểm chỉ đạo và hệ thống pháp luật có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có thay đổi. Quá trình triển khai thực hiện Luật số 69/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn qua rà soát cho thấy đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần thiết phải được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và định hướng cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới.

Do vậy, cần thiết phải xây dựng Luật số 69/2014/QH13 (sửa đổi) với các chính sách mới nhằm tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý bảo đảm cho việc phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; tăng cường công tác quản lý, giám sát việc sử dụng vốn Nhà nước đúng mục đích, đúng đối tượng.

Đối với việc chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp: Luật số 69/2014/QH13 quy định phương thức chuyển nhượng vốn và các nguyên tắc chuyển nhượng vốn.

Thực tế, thời gian qua phương thức chào bán cạnh tranh là phương thức chào bán cạnh tranh về giá để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn thực chất là bán đấu giá công khai.

Các doanh nghiệp có vốn góp cần chuyển nhượng vốn cơ bản được hình thành từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, trước đây chưa quy định bắt buộc phải có phương án sử dụng đất được phê duyệt trước khi cổ phần hóa mà cho doanh nghiệp xây dựng, trình duyệt phương án sử dụng đất, đồng thời với quá trình cổ phần hóa nên dẫn tới khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần có trường hợp phương án sử dụng đất chưa được duyệt.

Do vậy, dự thảo đề xuất: Bãi bỏ phương thức “chào bán cạnh tranh”. Giá khởi điểm phải do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định ngoại trừ trường hợp tỷ lệ Nhà nước đang nắm giữ dưới 36% vốn điều lệ và giá trị vốn Nhà nước nắm giữ trong vốn điều lệ phải chuyển nhượng dưới 10 tỷ đồng, thì cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định giá khởi điểm không thấp hơn giá trị thực của phần vốn góp phải chuyển nhượng trên báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước.

Bổ sung nguyên tắc quy định: Yêu cầu rà soát lại toàn bộ diện tích đất doanh nghiệp đang quản lý sử dụng để hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về đất đai, quản lý, giám sát chặt chẽ đối với đất được chuyển đổi mục đích thực hiện đấu giá đất theo quy định của Luật Đất đai. Thực hiện nghiêm cơ chế cho thuê đất, nộp tiền thuê theo quy định của pháp luật, cũng như việc tính toán giá trị quyền sử dụng đất giao trong giá khởi điểm chuyển nhượng vốn.

Phương án này có tác động tích cực là đẩy nhanh tiến trình thực hiện cổ phần hóa, sớm chuyển đổi thành công ty cổ phần, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, tăng khả năng huy động vốn để phát triển doanh nghiệp.

Vấn đề bất cập là theo quy định hiện hành, việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa 3 tháng lương thực hiện đối với doanh nghiệp xếp loại A; 1,5 tháng lương thực hiện đối với

doanh nghiệp xếp loại B; 1 tháng lương thực hiện đối với doanh nghiệp xếp loại C; doanh nghiệp không thực hiện xếp loại thì không được trích.

Thực tế nhiều doanh nghiệp có số lượng cán bộ, công nhân viên lớn, doanh thu, lợi nhuận... của doanh nghiệp đảm bảo theo đánh giá xếp loại nên số dư của 2 quỹ này tại doanh nghiệp tương đối lớn (trong khi lợi nhuận còn lại để nộp về ngân sách Nhà nước là không đáng kể và không phản ánh đúng quy mô, cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp). Mặt khác, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho phép tổng số chi có tính chất phúc lợi không quá 1 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

Vì vậy, dự thảo đề xuất giải pháp: Điều chỉnh theo hướng doanh nghiệp trích tối đa không quá 2 tháng lương thực hiện trên cơ sở hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, riêng các doanh nghiệp quốc phòng an ninh sẽ được Nhà nước hỗ trợ đảm bảo mức trích này.

Phương án này sẽ giúp quản lý hiệu quả, chặt chẽ cũng như đảm bảo an sinh xã hội, khuyến khích khen thưởng kịp thời người lao động, tăng cường động viên ngân sách Nhà nước.

*** Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.**

Bộ Tài chính cho biết, năm 2021, thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, Bộ Tài chính đã ban hành 5 thông tư quy định giảm mức thu 34 khoản phí, lệ phí.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính nhận được một số kiến nghị tiếp tục giảm phí, lệ phí trong năm 2022 do dự báo tình hình dịch COVID-19 trên thế giới và ở nước ta còn diễn biến phức tạp, khó lường, có thể bùng phát các đợt dịch mới với những biến chủng mới, lây lan nhanh hơn và nguy hiểm hơn.

Do đó, Bộ Tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin chủ trương cho phép kéo dài thời gian giảm phí, lệ phí đến hết 30/6/2022 (đối với các khoản phí, lệ phí đã giảm trong năm 2021).

Ngày 15/11/2021, Văn phòng Chính phủ đã có Công văn số 8347/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái như sau: “Đồng ý áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với việc xây dựng, ban hành các thông tư giảm phí, lệ phí để hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khẩn trương rà soát, đề xuất điều chỉnh giảm mức thu các khoản phí, lệ phí (bao gồm cả các khoản phí, lệ phí đã giảm trong năm 2021) thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, gửi Bộ Tài chính để xem xét, ban hành theo thẩm quyền và quy định của pháp luật để tiếp tục hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ”.

Để tiếp tục và kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm

tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Nội dung dự thảo Thông tư trên cơ sở kế thừa mức thu các khoản phí, lệ phí đã được quy định giảm trong năm 2021 và bổ sung giảm 50% mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

Cụ thể, lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Thông tư số 150/2016/TT-BTC. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng bằng 50% mức thu quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC. Phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch, cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, lữ hành nội địa bằng 50% mức thu quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BTC...

*** Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân với dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019.**

Dự thảo nêu rõ về nội dung hỗ trợ đối với phương thức đào tạo tiến sĩ tập trung toàn thời gian ở trong nước. Theo đó, học phí nộp cho các cơ sở đào tạo ở trong nước: Thực hiện thanh toán theo mức quy định của cơ sở đào tạo, tối đa không vượt quá khung học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Hỗ trợ kinh phí học tập, nghiên cứu cho người học bao gồm: Hỗ trợ kinh phí để người học thực hiện đề tài luận án, tham dự hội thảo, hội nghị ở trong nước, cụ thể như sau: Nhóm ngành y dược: 20 triệu đồng/người học/năm; Nhóm ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ; nông, lâm, thủy sản, thể dục thể thao, nghệ thuật: 18 triệu đồng/người học/năm; Nhóm ngành khoa học xã hội, kinh tế, luật; khách sạn, du lịch và nhóm ngành khác: 13 triệu đồng/người học/năm.

Thời gian hỗ trợ trong thời gian học tại cơ sở đào tạo (không quá 4 năm).

Đối với hỗ trợ kinh phí để người học đăng bài báo khoa học quốc tế, tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế và đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài, dự thảo nêu rõ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% phí công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học và công nghệ uy tín quốc tế thuộc danh mục Web of Science theo mức thông báo của tạp chí khoa học và công nghệ quốc tế với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ.

Người học có kết quả học tập tốt, đáp ứng các điều kiện theo quy định về chất lượng đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo được mời đi tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế hoặc đi thực tập ngắn hạn ở nước ngoài được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí đi lại và sinh hoạt phí (tối đa không quá 1 lần trong cả thời gian đào tạo) theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí.

Trong trường hợp phía cơ sở đào tạo nước ngoài có thông báo hỗ trợ các chi phí liên quan đến việc tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế hoặc thực tập ngắn hạn thì ngân sách Nhà nước sẽ không hỗ trợ các chi phí đã được cơ sở đào tạo nước ngoài tài trợ cho người học.

Ngoài nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, các cơ sở đào tạo có thể huy động thêm từ các nguồn đóng góp, huy động hợp pháp khác để hỗ trợ kinh phí học tập, nghiên cứu cho người học theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm căn cứ vào các quy định về yêu cầu đào tạo tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định tại Thông tư này để xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí và quy chế hỗ trợ đối với các người học đáp ứng các điều kiện để được nhận hỗ trợ theo các nội dung nêu trên và thông báo công khai.

*** Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đang dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.**

Dự thảo đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNNPTNT-VKSNDTC quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố như sau:

Công an xã, phường, thị trấn, đồn công an, trạm công an khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận và thực hiện như sau:

a) Đối với tố giác, tin báo về hành vi phạm tội quả tang; tố giác, tin báo về hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng hoặc được dư luận xã hội quan tâm; tố giác, tin báo về tội phạm đã rõ người thực hiện hành vi phạm tội hoặc rõ người bị tố giác mà có căn cứ cho rằng người đó có thể bỏ trốn, có căn cứ và cần thiết phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an phải báo ngay bằng các hình thức liên lạc nhanh nhất cho cơ quan điều tra có thẩm quyền; tổ chức ngay lực lượng xuống bảo vệ hiện trường, lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị hại, người làm chứng hoặc những người khác có liên quan; xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của người bị tố giác, bị hại và những người có liên quan và chuyển tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo các tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận; đối với các xã ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo, điều kiện đi lại khó khăn thì thời hạn chuyển tố giác, tin báo về tội phạm không quá 48 giờ kể từ khi tiếp nhận.

b) Đối với các tố giác, tin báo về tội phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, công an xã, phường, thị trấn, đồn công an có trách nhiệm lấy lời khai của người tố giác, báo tin về tội phạm, lấy lời khai người bị tố giác, người bị hại, người làm chứng và người có liên quan; có mặt kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc, bảo vệ hiện trường; xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của người bị tố giác, bị hại và những

người có liên quan; xác định sơ bộ thông tin về hậu quả, thiệt hại; phát hiện, tạm giữ, bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo các tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền. Thời hạn kể từ khi tiếp nhận đến khi chuyển tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền không quá 07 ngày.

Trong quá trình xử lý tố giác, tin báo về tội phạm quy định tại điểm này mà có căn cứ xác định tố giác, tin báo về tội phạm thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Trạm công an khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm thì lập biên bản tiếp nhận và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận.

d) Trường hợp khẩn cấp, cấp bách, cần ngăn chặn ngay tội phạm hoặc cần tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám xét hoặc trưng cầu giám định ngay thì công an xã, phường, thị trấn, đồn công an, trạm công an phải báo ngay đến cơ quan điều tra có thẩm quyền bằng hình thức liên lạc nhanh nhất và thực hiện các biện pháp giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

*** Bộ Tài nguyên và Môi trường đang lấy ý kiến của nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn về Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường.**

Dự thảo Thông tư này hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường, mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên; tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản lý, Chủ tịch Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tài nguyên và Môi trường (Hội đồng quản lý).

Theo dự thảo, Hội đồng quản lý là đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập. Hội đồng quản lý quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động, tài chính, tổ chức bộ máy và công tác nhân sự; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý quyết định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn và hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định chủ trương về tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động các nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định chủ trương về xây dựng tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động; quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đồng thời, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, việc thực hiện kế hoạch, việc triển khai quy chế dân chủ trong các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; quyết định về chủ trương và trình cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm,

khen thưởng, kỷ luật và chế độ chính sách đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Bên cạnh đó, thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền quyết định; thông qua việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị cấu thành của đơn vị sự nghiệp công lập; đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc hằng năm, điều chỉnh số lượng người làm việc hằng năm của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp quyết định phê duyệt theo thẩm quyền...

Theo dự thảo, Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 5 đến 11 người, tổng số thành viên phải là số lẻ, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu có) và các thành viên khác.

Thành phần Hội đồng quản lý gồm có: Đại diện của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập gồm đại diện của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, đại diện tổ chức chính trị - xã hội và đại diện một số tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

*** Tòa án nhân dân Tối cao đang lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.**

Cụ thể, dự thảo sửa đổi một trong các điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo quy định tại Khoản 2 Điều 2 như sau: Có nhân thân tốt.

Được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc.

Đối với người đã bị kết án nhưng thuộc trường hợp được coi là không có án tích, người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, người đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật mà thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật tính đến ngày phạm tội lần này đã quá 6 tháng, nếu xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoặc người phạm tội là đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án và có đủ các điều kiện khác thì cũng có thể cho hưởng án treo.

Dự thảo bổ sung quy định: Khi xem xét, quyết định cho bị cáo hưởng án treo tòa án phải xem xét thận trọng, chặt chẽ các điều kiện để bảo đảm việc cho hưởng án treo đúng quy định của pháp luật.

Dự thảo cũng sửa đổi, bổ sung về một số trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại Điều 3 như sau: Người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn và đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng đề nghị truy nã, trừ trường hợp đã ra đầu thú trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Người phạm tội bị xét xử trong cùng một lần về nhiều tội, trừ các trường hợp sau đây: Các tội phạm đã thực hiện đều là tội phạm ít nghiêm trọng; trong các tội phạm đã thực hiện, người phạm tội tham gia là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể; người phạm tội là người dưới 18 tuổi.

Người phạm tội 2 lần trở lên, trừ các trường hợp sau: Các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng; các lần phạm tội, người phạm tội tham gia là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể; các lần phạm tội sau do người phạm tội tự thú; người phạm tội là người dưới 18 tuổi. Trường hợp vụ án được tách ra để giải quyết trong các giai đoạn khác nhau (tách thành nhiều vụ án) thì việc xem xét cho hưởng án treo được xác định như sau: Không coi việc người phạm tội đã bị kết án trong vụ án trước đó là căn cứ xác định “phạm tội 2 lần trở lên”, trừ trường hợp các hành vi phạm tội bị xem xét, xử lý hình sự trong các giai đoạn là độc lập với nhau. Không coi việc người phạm tội đã bị kết án trong vụ án trước đó là có nhân thân không tốt để không cho hưởng án treo, nếu họ có đủ các điều kiện khác để được hưởng án treo.

Dự thảo cũng bổ sung Điều 4a về thời gian tạm giữ, tạm giam của người được hưởng án treo. Theo đó, thời gian tạm giữ, tạm giam không được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người phạm tội bị áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Trường hợp trong thời gian thử thách nếu họ phạm tội mới hoặc vi phạm nghĩa vụ buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thì khi giải quyết tòa án trừ thời gian họ đã bị tạm giữ, tạm giam này vào bản án đã cho hưởng án treo hoặc bản án mới.

Nguồn: baohinhphu.vn

HÀ NỘI: KẾ HOẠCH SỐ HÓA KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, ngày 19/11/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Kế hoạch số 259/KH-UBND về Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước TP. Hà Nội.

Kế hoạch nhằm mục đích thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước để khai thác sử dụng hiệu quả; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và khai thác kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.

Để đạt được mục đích trên, Kế hoạch xác định các yêu cầu: Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; Số hóa toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực của các cơ quan nhà nước của thành phố, hoàn thành trước ngày 31/12/2025.

Nội dung của Kế hoạch bao gồm: (1) Rà soát, tổng hợp kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực; (2) Chuẩn bị điều kiện thực hiện số hóa; (3) Rà soát, mở rộng Hệ thống một cửa điện tử của thành phố, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tra cứu, khai thác kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực đã được số hóa và việc số hóa trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 468/QĐ-TTg; (4) Hướng dẫn quy trình số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang được đơn vị quản lý, lưu trữ bằng văn bản giấy theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan; (5) Hướng dẫn quy trình số hóa trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng tại Quyết định số 468/QĐ-TTg và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan; (6) Hướng dẫn về lưu trữ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ; (7) Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ

TP. Hồ Chí Minh đang đẩy mạnh chuyển đổi số dựa trên ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số để phục vụ tốt hơn cho doanh nghiệp, người dân, làm đòn bẩy thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Muốn thực hiện điều này, thành phố cần xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyển đổi số, vấn đề cấp bách hiện nay...

Nhiều chuyên gia cho rằng, để phát triển ba trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đòi hỏi một lực lượng nhân lực rất lớn, có chuyên môn sâu về công nghệ số và kỹ năng số. Hiện tại, nguồn nhân lực chuyển đổi số trên cả ba trụ cột này đều đang thiếu hụt trầm trọng. Trong khi nhu cầu về nhân lực công nghệ số đang thật sự cấp bách thì năng lực đào tạo về công nghệ số của các cơ sở đào tạo tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung vẫn còn nhiều hạn chế.

Mặc dù, TP. Hồ Chí Minh đã có nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin nhiều năm qua, nhiều trường cao đẳng, đại học trên địa bàn đào tạo về công nghệ thông tin, nhưng lực lượng nhân lực công nghệ thông tin vẫn thiếu hụt rất nhiều. Mặt khác, công cuộc chuyển đổi số cần rất nhiều nhân lực được đào tạo về các chuyên ngành mới, chuyên sâu về công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI); khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data); điện toán đám mây (Cloud Computing); internet vạn vật (IoT); thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR); chuỗi khối (Blockchain); in ba chiều (3D Printing)... nhưng hiện nay rất ít cơ sở đào tạo có các chuyên ngành mới này.

Các chuyên ngành kinh tế, xã hội như quản trị số, kinh doanh số, marketing số, phân tích dữ liệu số, quản trị trên môi trường mạng, logistics... cũng chưa có nhiều trường đào tạo. Nhìn chung, hầu hết các cơ sở đào tạo đại học về các chuyên ngành công nghệ số, kinh tế số, xã hội số nói trên đều đang đối diện thách thức do đội ngũ giảng viên còn thiếu; chương trình, nội dung đào tạo chưa được chuẩn hóa, cơ sở vật chất, phòng thực hành phục vụ đào tạo nghiên cứu còn thiếu và yếu.

Tiến sĩ Nguyễn Thị Ly, Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) cho biết, TP. Hồ Chí Minh là địa phương năng động, nhanh chóng thích nghi với công nghệ mới, có lực lượng lao động đông đảo, trẻ, thu hút từ nhiều địa phương, nhất là từ các tỉnh phía nam. Tuy nhiên, nguồn nhân lực tại thành phố cũng bộc lộ những hạn chế như nhận thức về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số chưa đầy đủ; thiếu hụt nguồn nhân lực chuyển đổi số từ nhà quản lý đến chuyên gia, kỹ sư, công nhân công nghệ số; người dân chưa có đủ kỹ năng số cần thiết.

Để bảo đảm thực thi công cuộc chuyển đổi số trong ba trụ cột nêu trên, ngoài đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, triển khai các giải pháp kỹ thuật tiên tiến thì việc đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng cho xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số đóng vai trò hết sức quan trọng.

Theo nghiên cứu sinh Nguyễn Duy Vĩnh, Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh, thành phố cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số. Do đó, rất cần thành phố nghiên cứu xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện và tập trung nguồn lực triển khai nhằm sớm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho các đối tượng liên quan. Đồng thời, xây dựng, phát triển được lực lượng nhân lực chuyển đổi số, đội ngũ chuyên gia công nghệ số đáp ứng yêu cầu cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn, góp phần bảo đảm tiến trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số nhanh, hiệu quả và bền vững.

TP. Hồ Chí Minh cần bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, quản trị số cho đội ngũ lãnh đạo và toàn thể giảng viên, viên chức và người lao động trong các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng nghề trọng điểm của thành phố. Chú trọng đào tạo cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số, công nghệ số, nền tảng số cho đội ngũ giảng viên. Chuẩn hóa các chuyên ngành đào tạo gắn với nghề nghiệp theo chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh chuyển đổi số tổng thể và toàn diện, quyết liệt thay đổi quy trình, phương thức hoạt động, ứng dụng các nền tảng số, công nghệ số, nhất là các nền tảng mở, công nghệ mở để chuyển đổi số nhanh và toàn diện...

Ngoài việc đẩy nhanh các chương trình bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp..., nhiều chuyên gia cho rằng, thành phố cần có chiến lược đưa giáo dục kiến thức, kỹ năng số vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục. Ngành giáo dục thành phố cần đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

Bên cạnh đó, tiến hành rà soát, bổ sung chương trình, nội dung, thời lượng giảng dạy và biên tập sách giáo khoa, tài liệu, hướng dẫn giảng dạy kỹ năng số phù hợp để triển khai đi đến đại trà giáo dục kỹ năng số cho tất cả các lớp học, cấp học. Ứng dụng các nền tảng số, mời các chuyên gia từ các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục của các doanh nghiệp tham gia đào tạo, chuyển giao công nghệ và đào tạo trực tuyến để nhanh chóng phổ cập đào tạo về kỹ năng số cho học sinh, nhất là ở bậc phổ thông...

Nguồn: nhandan.vn

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG: CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ ĐỂ DUY TRÌ NHỊP ĐỘ TĂNG TRƯỞNG

TP. Hải Phòng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để duy trì nhịp độ tăng trưởng cao; phấn đấu đạt mục tiêu hơn 1 triệu tỷ đồng vốn đầu tư trong giai đoạn 5 năm tới.

Trong Thông báo số 316/TB-VPCP kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại buổi làm việc với lãnh đạo TP. Hải Phòng, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành nhận định: Từ đầu năm đến nay, TP. Hải Phòng đã tổ chức thực hiện thành công nhiệm vụ “kép” là phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và duy trì, phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội.

Tuy khu vực thương mại, dịch vụ, du lịch bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, tăng trưởng kinh tế thành phố vẫn đạt mức cao so với bình quân chung cả nước: Tăng trưởng kinh tế 9 tháng tăng 12,28%, gấp 8,65 lần cả nước (1,42%), dẫn đầu các địa phương trong cả nước. 10 tháng đầu năm 2021, Hải Phòng là địa phương thu hút FDI cao nhất cả nước; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 19,22%, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt hơn 73.000 tỷ đồng, tăng hơn 17%, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 18 tỷ USD, tăng hơn 25%. Thu hút đầu tư nước ngoài đạt gần 3 tỷ USD, gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ. Sản lượng hàng hóa qua cảng đạt hơn 119 triệu tấn, tăng 7%... Những năm gần đây, Hải Phòng đều đứng trong top đầu cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung tăng cường đầu tư, đã khởi công nhiều dự án, công trình hạ tầng giao thông, đô thị quan trọng. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác an sinh, phúc lợi xã hội tiếp tục được quan tâm, góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Bên cạnh cơ hội, thuận lợi, vị trí và tiềm năng, Hải Phòng còn một số khó khăn, thách thức trong việc thực hiện thành công Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị: Việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để duy trì nhịp độ tăng trưởng cao; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 9 tháng đạt khoảng 118.000 tỷ đồng, mới đạt 58,25% kế hoạch năm (204.000 tỷ đồng), đây là thách thức rất lớn để TP. Hải Phòng đạt mục tiêu hơn 1 triệu tỷ đồng vốn đầu tư trong giai đoạn 5 năm tới.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành yêu cầu TP. Hải Phòng cần bám sát và tổ chức triển khai thực hiện thành công Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/1/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ TP. Hải Phòng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Về công nghiệp: Tập trung mở rộng các khu, cụm công nghiệp, tăng cường quản lý khu công nghiệp, khắc phục các vi phạm trật tự xây dựng. Các khu công nghiệp đạt tiêu chí văn minh, hiện đại, thu hút công nghiệp sạch, công nghiệp công nghệ cao.

Về du lịch: TP. Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch lớn của cả nước, khu vực và quốc tế, trong đó, xây dựng phát triển khu du lịch Cát Bà, Đồ Sơn, Vũ Yên trở thành trung tâm du lịch quốc tế; đầu tư nâng cấp dự án Kinh doanh du lịch quốc tế Hải Phòng (gắn với việc kinh doanh Casino) tại khu III quận Đồ Sơn với quy mô trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, mua sắm 5 sao; chú trọng phát triển du lịch sinh thái.

Về cảng biển: Đẩy mạnh rà soát quy hoạch, thực hiện di dời, sắp xếp lại các bến cảng cũ, thu hút các nhà đầu tư lớn, có tiềm lực để đẩy nhanh đầu tư mới các khu, cụm cảng, bến cảng, đặc biệt là cảng tổng hợp quốc tế Nam Đồ Sơn theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021.

Về phát triển hạ tầng giao thông và mở rộng không gian đô thị: Đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông quan trọng đang triển khai như cầu Bến Rừng, cầu Nguyễn Trãi, cầu Lại Xuân, mở rộng Quốc lộ 10, Quốc lộ 37, đường vành đai 2 Thành phố. Nghiên cứu triển khai tuyến

đường cao tốc Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình (đoạn qua thành phố Hải Phòng); khẩn trương khởi công Nhà ga hành khách số 2 Cảng hàng không quốc tế Cát Bi.

Về công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch: Thành phố cần khẩn trương xây dựng Quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021 - 2030 theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021, bảo đảm hoàn thành trong năm 2022.

Phó Thủ tướng giao Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chỉ đạo Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) khẩn trương triển khai các thủ tục để khởi công Nhà ga hành khách số 2 Cảng hàng không quốc tế Cát Bi trong Quý I/2022. Bộ Giao thông vận tải khẩn trương nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết Cảng hàng không quốc tế Cát Bi (trong đó bổ sung quy hoạch đường cất hạ cánh số 2).

Nguồn: baochinhphu.vn

QUẢNG NINH: XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng khoa học công nghệ với phương châm có trọng tâm, trọng điểm, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Đầu tiên phải kể đến là hạ tầng cốt lõi về công nghệ thông tin của tỉnh Quảng Ninh được xây dựng dẫn đầu cả nước. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh; là nền tảng phục vụ cho công tác chuyển đổi số toàn diện của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

Hiện nay, hệ thống văn bản điện tử của tỉnh đã được kết nối liên thông 4 cấp với hệ thống của Văn phòng Chính phủ. 100% đơn vị cấp huyện và cấp xã đã quản lý và điều hành tác nghiệp trên hệ thống phần mềm điện tử; tiếp nhận và luân chuyển hồ sơ điện tử trong phạm vi toàn tỉnh, góp phần quan trọng trong việc chỉ đạo, điều hành của tỉnh kịp thời, tiết kiệm.

Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đối với 1.576 thủ tục hành chính; trong đó, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp là 987 thủ tục (đạt 52,7%). Tỉnh Quảng Ninh đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia 555 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (đạt 35,7%); vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm Điều hành thành phố thông minh từ năm 2019; đã kết nối đồng bộ, liên thông với Trung tâm Thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ.

Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai đề án “Phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ đến năm 2020”, với 22 doanh nghiệp khoa học công nghệ, đứng thứ 4 toàn quốc. Đến nay, toàn tỉnh có 17 tổ chức khoa học công nghệ, trong đó 6 tổ chức khoa học công nghệ công lập và 11 tổ chức khoa học công nghệ ngoài công lập.

Tỉnh cũng xây dựng và hình thành 2 khu nông nghiệp công nghệ cao về lĩnh vực trồng trọt và thủy sản, do doanh nghiệp quản lý, khai thác. Đó là Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại TX. Đông Triều do Công ty TNHH Phát triển sản xuất nông nghiệp Vin-eco

thuộc Tập đoàn Masan làm chủ đầu tư và Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp tỉnh về thủy sản tại Đầm Hà do Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc làm chủ đầu tư.

Tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm đầu tư nâng cấp, mua sắm trang thiết bị tiên tiến, hiện đại và nâng cao năng lực hoạt động các phòng thí nghiệm, hệ thống chuẩn đo lường. Phòng thí nghiệm của CDC Quảng Ninh đã được Văn phòng Công nhận chất lượng (thuộc Khoa học và Công nghệ) công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 (lĩnh vực công nhận: Hóa, sinh).

Toàn tỉnh hiện có 32 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn LAS, VILAS; 6 phòng thí nghiệm, kiểm định của các tổ chức khoa học công nghệ, 1 phòng kiểm định của Cục Hải quan. Trong đó có 3 phòng thí nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế, gồm: Phòng thí nghiệm của Trung tâm Ứng dụng và thống kê (Sở Khoa học và Công nghệ) đạt chuẩn quốc tế IEC 17025; phòng kiểm nghiệm, kiểm định của Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng (Sở Khoa học và Công nghệ) đạt tiêu chuẩn VILAS 185 ISO/IEC 17025:2005; phòng thí nghiệm của Trung tâm Khoa học kỹ thuật và sản xuất giống thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đạt VILAS: 512 ISO/IEC 17025:2005.

Để phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục huy động mọi nguồn lực đầu tư, xây dựng hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ninh thành nơi ươm mầm, đào tạo nhân lực, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp. Tỉnh Quảng Ninh cũng tiếp tục đầu tư xây dựng Trường Đại học Hạ Long theo mô hình đô thị đại học, trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh, trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Quảng Ninh và khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

Cùng với đó, Quảng Ninh tập trung nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin tạo sự bứt phá bảo đảm hiện đại, đồng bộ, kết nối liên thông; tập trung các nhóm giải pháp nhằm nâng cao chỉ số sẵn sàng cho phát triển công nghệ thông tin, truyền thông (ICT index) thuộc nhóm dẫn đầu cả nước. Tăng cường năng lực, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, triển khai mô hình kinh tế mới, mô hình hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo...

Nguồn: baoquangninh.com.vn

NAM ĐỊNH: HỢP TÁC VỚI TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Tập đoàn Viettel) vừa ký thỏa thuận hợp tác chiến lược về chuyển đổi số tỉnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2025.

Trong đó, Tập đoàn Viettel cam kết hỗ trợ tỉnh Nam Định xây dựng nền tảng, triển khai các giải pháp công nghệ mới nhất, bảo đảm đến năm 2030, tỉnh Nam Định sẽ hoàn thành chuyển đổi số toàn diện.

Tập đoàn Viettel sẽ phối hợp cùng chính quyền tỉnh từng bước triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội của tỉnh, phấn đấu tỉnh Nam Định luôn đứng trong top 20 tỉnh dẫn đầu của cả nước về chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đến năm 2030, tỉnh Nam Định sẽ hoàn thành chuyển đổi số và triển khai đô thị thông minh.

Cụ thể, Tập đoàn Viettel cam kết phát huy nền tảng chuyển đổi số hoàn chỉnh, triển khai những công nghệ mới nhất, bảo đảm nguồn lực là những chuyên gia hàng đầu, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, công nghệ thông tin cho đội ngũ nhân sự của tỉnh.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và Tập đoàn Viettel tập trung phát triển hạ tầng số gồm: phủ cập hạ tầng băng rộng cáp quang, 5G chất lượng cao; xây dựng nền tảng điện toán đám mây Chính phủ thống nhất trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của chính quyền tỉnh; phát triển kho dữ liệu số dùng chung; đẩy mạnh chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và một số ngành, lĩnh vực ưu tiên như: đô thị thông minh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông, du lịch và tài nguyên môi trường...

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định Phạm Đình Nghị tin tưởng Tập đoàn Viettel sẽ tư vấn, định hướng đầy đủ và đáp ứng đúng nhu cầu về chuyển đổi số toàn diện của tỉnh. Đồng thời, bày tỏ mong muốn các nội dung đã ký kết sẽ được nhanh chóng triển khai thực hiện và gặt hái được nhiều thành công.

Thiếu tướng Lê Đăng Dũng, Quyền Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Viettel cho biết, là đơn vị sở hữu hệ sinh thái chuyển đổi số toàn diện, Viettel sẵn sàng dành mọi nguồn lực tốt nhất, cả về công nghệ, về con người, và tài chính để hiện thực hóa sớm nhất, hiệu quả nhất các yêu cầu về chuyển đổi số của tỉnh Nam Định.

Hiện nay, Tập đoàn Viettel đã ký thỏa thuận hợp tác chuyển đổi số và triển khai đô thị thông minh với hơn 30 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Nguồn: nhandan.vn

BÌNH DƯƠNG: HẢI QUAN TỈNH NHIỀU SÁNG KIẾN CẢI TIẾN NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

'Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua', những năm qua, phong trào thi đua tại Cục Hải quan Bình Dương luôn được duy trì và phát triển mạnh mẽ với những hành động thiết thực, hiệu quả.

Tiếp tục hưởng ứng phong trào thi đua lao động sáng tạo, thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ của ngành Hải quan năm 2021, ngay từ đầu năm Cục Hải quan tỉnh Bình Dương đã phát động phong trào thi đua với khẩu hiệu “Đoàn kết - Kỷ cương- Sáng tạo - Hiệu quả”. Phong trào đã được cụ thể hóa thành những nội dung thi đua gắn với quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra.

Sau hơn 11 tháng triển khai thực hiện phong trào thi đua sôi nổi, đến nay tất cả các mục tiêu nhiệm vụ quan trọng của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương đã cơ bản gần hoàn thành.

Để có được thành quả thắng lợi đó, là nhờ những nỗ lực thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo không ngừng của tập thể cán bộ công chức. Với khối lượng công việc ngày càng tăng trong khi biên chế không tăng, phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nhưng cán bộ công chức đã luôn nỗ lực, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trên tất cả các mảng công tác của đơn vị đều ghi nhận những sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả rất thiết thực.

Để kịp thời ghi nhận và biểu dương cán bộ công chức có sáng kiến cải tiến mang lại hiệu quả cao cho đơn vị và cũng để công tác xem xét các sáng kiến được công khai minh bạch, hàng năm Cục Hải quan tỉnh Bình Dương đều kiện toàn Hội đồng sáng kiến cơ sở. Thành viên Hội đồng là những cán bộ công chức am hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực công tác của đơn vị. Việc xét công nhận các sáng kiến được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của Ngành, có sự giám sát chặt chẽ của Công đoàn đơn vị để đảm bảo khách quan, minh bạch.

Năm 2021, có 04 Đề tài nghiên cứu và 41 sáng kiến cải tiến của 80 cá nhân được Cục Hải quan tỉnh Bình Dương ra quyết định công nhận. Trong đó, 04 đề tài và 03 sáng kiến lĩnh vực nghiệp vụ Cục tiếp tục đề nghị Tổng cục Hải quan công nhận sáng kiến cấp Ngành. Các sáng kiến cải tiến của đơn vị năm nay có tính sáng tạo, đổi mới và thực tiễn rất cao.

Nổi bật, Cục ghi nhận nhiều sáng kiến về lĩnh vực Nghiệp vụ hải quan, công tác Cải cách hành chính hiện đại hóa Hải quan, về lĩnh vực Công nghệ thông tin, Chống buôn lậu... đã góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giúp đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị ngày càng nặng nề trong điều kiện biên chế không tăng.

Cục Hải quan tỉnh Bình Dương luôn quan tâm khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBCC phát huy tính sáng tạo, đổi mới nâng cao hiệu quả trong công việc. Mọi sáng kiến cải tiến hiệu quả đều được xem xét ghi nhận, biểu dương và tặng thưởng kịp thời nhằm khích lệ tinh thần và khuyến khích hoạt động nghiên cứu sáng tạo trong toàn đơn vị.

Nguồn: tapchitaichinh.vn

ĐỒNG NAI: NỖ LỰC NHIỀU HƠN NỮA TRONG CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sáng ngày 23/11, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Nguyễn Sơn Hùng đã có buổi làm việc với Sở Thông tin và Truyền thông.

Sau khi nghe lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo về tình hình quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin - truyền thông và nêu những khó khăn, vướng mắc, cũng như kiến nghị đối với tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Sơn Hùng ghi nhận những kết quả mà ngành Thông tin và Truyền thông đã làm được trong thời gian qua, đặc biệt là việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống dịch.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai yêu cầu Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin; đề xuất cụ thể để củng cố, kiện toàn lại Cổng thông tin điện tử tỉnh; tiếp tục tuyên truyền, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái trên mạng xã hội và một số trang thông tin điện tử; nỗ lực nhiều hơn trong chương trình chuyển đổi số (hiện nay tỉnh Đồng Nai đang xếp hạng 20/63 tỉnh, thành trong cả nước).

Đặc biệt, cần quan tâm nâng cao nhận thức, kỹ năng của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số. Có như vậy mới dẫn dắt, truyền cảm hứng để cán bộ, công nhân viên và người dân tăng tốc chuyển đổi số theo.

Nguồn: baodongnai.com.vn

BÀ RỊA - VŨNG TÀU: XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH GẮN VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính của ngành Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2021 - 2025.

Đô thị thông minh hay thành phố thông minh được biết đến như là một hệ thống hữu cơ tổng thể được kết nối từ nhiều hệ thống thành phần với hệ thống trí tuệ nhân tạo có thể hành xử thông minh như con người. Nó bao gồm mạng viễn thông số (dây thần kinh), hệ thống nhúng thông minh (não bộ), các cảm biến (giác quan) và phần mềm (tinh thần và nhận thức)... Những yếu tố đó kết hợp với nhau và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền thành phố, giảm tiêu thụ năng lượng, tăng cường quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Kế hoạch tập trung vào các nhiệm vụ như xây dựng Kiến trúc công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) phát triển Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiến tới hình thành Kho dữ liệu số của tỉnh.

Song song với đó, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh; cũng như xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về nội dung xây dựng phát triển đô thị thông minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đặt mục tiêu triển khai thực hiện các dự án thành phần theo Kế hoạch triển khai Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020 - 2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Nghị quyết số 112-NQ/HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Về công nghệ, cần nâng cao khả năng tương tác và kết nối của hạ tầng mạng, qua đó nâng cao kết nối giữa các ban, ngành của chính quyền; giữa chính quyền với doanh nghiệp và người dân.

Ngoài ra, việc xây dựng và phát triển thành phố thông minh không chỉ là ứng dụng những công nghệ tiên tiến, hiện đại nhất mà là sử dụng công nghệ một cách thông minh nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Hơn nữa, việc phát triển đô thị thông minh không thể bỏ qua hay xem nhẹ yếu tố văn hóa của người dân. Văn hóa chính là linh hồn của một đô thị, giữ cho thành phố “không còn là cái xác của những công nghệ hiện đại”. Và đặc biệt chú trọng đến nhân tố con người. Việc trang bị cho nguồn nhân lực những kỹ năng cần thiết là rất quan trọng, không chỉ là những kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, mà còn phải là kỹ năng nghiên cứu, đổi mới và sáng tạo không ngừng.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành xây dựng đô thị thông minh của tỉnh, thông minh hóa các ứng dụng trong quản lý điều hành và các ứng dụng thông minh phục vụ cho doanh nghiệp, người dân và du khách. Chuyển quản lý đô thị từ truyền thống sang quản lý trên dữ liệu số.

Đến năm 2030, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp cận được với các đô thị thông minh trong khu vực và trên thế giới dựa trên 6 lĩnh vực chủ yếu: Nền kinh tế thông minh; Quản trị thông minh; Môi trường thông minh; Giao thông thông minh; Cư dân thông minh; Cuộc sống văn minh và một số lĩnh vực khác.

Nguồn: vietq.vn

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THỜI GIAN QUA

Từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng(1) đến nay (tính đến tháng 5/2020), nhất là sau hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng được lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện ráo riết, quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, toàn diện, bài bản, đi vào chiều sâu; phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp giữa phòng ngừa với phát hiện, xử lý, giữa phòng, chống tham nhũng với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, giữa trong nội bộ với ngoài xã hội, giữa trong nước với ngoài nước; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự.

Những kết quả nổi bật

Thời gian qua, công tác phòng, chống tham nhũng đã có bước tiến mạnh, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, rõ rệt, để lại dấu ấn tốt, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, như đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định, “công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đã trở thành phong trào, xu thế”, được cán bộ, đảng viên, Nhân dân đồng tình, hưởng ứng, đánh giá cao, được các tổ chức quốc tế ghi nhận(2). Tham nhũng đang từng bước được kiềm chế, ngăn chặn, đẩy lùi và có chiều hướng thuyên giảm(3), góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Kết quả đó thể hiện trên 5 vấn đề sau đây:

Một là, tập trung chỉ đạo công tác phát hiện và xử lý tham nhũng, kết hợp giữa xử lý hành chính, xử lý kỷ luật của Đảng, của Nhà nước, của đoàn thể với xử lý hình sự; kỷ luật của Đảng được thực hiện trước, mở đường, tạo điều kiện cho kỷ luật của Nhà nước, của đoàn thể và xử lý hình sự, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, thanh tra, kiểm toán của Nhà nước được tăng cường, phát hiện và xử lý nghiêm minh các sai phạm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, góp phần đặc lực nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đến nay, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 2.370 cán bộ, đảng viên do tham nhũng, cố ý làm trái; Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy có thẩm quyền xử lý kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý(4). Đây là bước đột phá trong công tác kiểm tra, kỷ luật của Đảng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán tăng cường thanh tra, kiểm toán các lĩnh vực có nhiều biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, các dự án gây thất thoát, thua lỗ lớn, kéo dài, dư luận xã hội quan tâm để phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm. Từ năm 2016 đến nay, qua thanh tra, kiểm toán đã kiến nghị thu hồi, xử lý gần 455 nghìn tỷ đồng và hơn 8.100ha đất; kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 8.000 tập thể, cá nhân; chuyển cơ quan điều tra xử lý 409 vụ việc sai phạm.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử được chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, với mức án nghiêm khắc nhưng cũng rất nhân văn, tạo bước đột phá trong công tác phòng, chống tham nhũng. Từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng trong cả nước đã khởi tố, điều tra 12.178 vụ/20.668 bị can, truy tố 10.397 vụ/20.354 bị can, xét xử sơ thẩm 9.918 vụ/19.026 bị cáo về các tội tham nhũng, trật tự quản lý kinh tế và tội phạm khác về chức vụ(5). Ban Chỉ đạo đã đưa 120 vụ án, 95 vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm vào diện theo dõi, chỉ đạo (trong đó, Ban Chỉ đạo 110 được thành lập theo Quyết định số 110-QĐ/TW ngày 24/01/2018, của Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo xử lý 10 vụ án/68 bị can liên quan đến Phan Văn Anh Vũ và Đinh Ngọc Hệ); đã xét xử sơ thẩm 76 vụ/775 bị cáo, tuyên phạt 11 bị cáo (10 người) tử hình, 23 bị cáo (22 người) tù chung thân, 12 bị cáo mức án 30 năm tù, 23 bị cáo mức án từ 20 năm đến dưới 30 năm tù, 658 bị cáo từ 12 tháng đến dưới 20 năm tù(6). Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, xử lý nghiêm minh, có lý, có tình một số cán bộ cao cấp cả đương chức và đã nghỉ hưu, có vi phạm liên quan đến các vụ án tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm(7). Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đến nay, các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp khởi tố, điều tra 7.270 vụ/12.303 bị can, truy tố 5.976 vụ/11.613 bị can, xét xử sơ thẩm 5.641 vụ/10.970 bị cáo về các tội tham nhũng, trật tự quản lý kinh tế và tội phạm khác về chức vụ(8), qua đó, tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” đang dần được khắc phục(9); việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực(10). Một số vụ án, vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, mà lâu nay được cho là “vùng cấm, nhạy cảm”, và nhiều vụ, việc kéo dài từ những năm trước đã được chỉ đạo xử lý dứt điểm, nghiêm minh, có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa tham nhũng có hiệu quả. Đây là điểm sáng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước cũng như hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các cơ quan chức năng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng vừa qua, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.

Từ sau Hội nghị Trung ương 11 (tháng 10/2019) đến nay (tính đến tháng 5/2020), đối với các vụ việc, vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo, đã kết thúc điều tra 13 vụ/79 bị can, truy tố 15 vụ/105 bị can, xét xử sơ thẩm 19 vụ/106 bị cáo, nhất là: 1. Lần đầu tiên xét xử công khai, nghiêm minh 2 cán bộ nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Bộ trưởng về tội nhận hối lộ và lãnh đạo doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước về tội đưa hối lộ trong vụ án MobiFone mua 95% cổ phần của AVG (Công ty Cổ phần Nghe nhìn Toàn cầu); 2. Xét xử 2 cán bộ nguyên chủ tịch, 2 cán bộ nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh phạm tội liên quan đến các sai phạm trong quản lý sử dụng tài sản nhà nước, quản lý đất đai trong vụ án Phan Văn Anh Vũ; 1 cán bộ nguyên Thứ trưởng phạm tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng; 1 cán bộ nguyên Thứ trưởng do hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả

ng nghiêm trọng trong vụ án Đinh Ngọc Hệ;... 3. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã thi hành kỷ luật 2 tổ chức đảng(11), 12 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý(12); 4. Các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương đã khởi tố 268 vụ án/475 bị can; truy tố 105 vụ/163 bị can; xét xử 127 vụ/268 bị cáo về các tội tham nhũng(13).

Hai là, đi đôi với tập trung chỉ đạo công tác phát hiện, xử lý tham nhũng, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng được đẩy mạnh, từng bước hoàn thiện cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để “không thể tham nhũng(14).

Nhiều quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng được ban hành và tổ chức thực hiện quyết liệt, đi vào cuộc sống, vừa có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn, vừa là căn cứ để phát hiện và xử lý các sai phạm, tham nhũng.

Ba là, công tác cán bộ; cải cách hành chính, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được chú trọng, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và đạt những kết quả tích cực.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có nhiều đổi mới, nhất quán, rõ ràng, chỉ đạo giải quyết được nhiều vấn đề tồn tại trước đây trong công tác cán bộ; “không chạy chức, chạy quyền” đã trở thành tuyên ngôn mạnh mẽ với nhiều quy định được ban hành đồng bộ, khả thi(15). Kiểm soát tài sản, thu nhập; thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia... đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng(16). Cấp ủy, chính quyền, cán bộ lãnh đạo các cấp quan tâm hơn trong việc tiếp nhận, đối thoại, giải quyết những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, những vướng mắc, bức xúc của người dân, doanh nghiệp.

Bốn là, công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng được đổi mới, tăng cường; vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Nhân dân và báo chí trong phòng, chống tham nhũng được phát huy tốt hơn.

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, tạo sự thống nhất, quyết tâm cao trong hành động, tạo hiệu ứng tốt trong xã hội. Công khai kết quả kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, kết quả xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế; chủ động cung cấp thông tin về những vấn đề nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, giúp định hướng tốt dư luận xã hội, thể hiện sự công khai, minh bạch của Đảng, Nhà nước trong xử lý tham nhũng. Các cơ quan thông tấn, báo chí đã tích cực đồng hành cùng Đảng, Nhà nước và các cơ quan chức năng trong phòng, chống tham nhũng, đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch về công tác phòng, chống tham nhũng. Cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tăng cường giám sát công tác phòng, chống tham nhũng.

Năm là, chú trọng kiện toàn về tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng; đẩy mạnh hợp tác

quốc tế về phòng, chống tham nhũng, từng bước mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước.

Các cơ quan kiểm tra, nội chính của Đảng, thanh tra, kiểm toán, công an, các cơ quan tư pháp trong quân đội, viện kiểm sát, tòa án vào cuộc ngày càng tích cực, hiệu quả; các đơn vị chuyên trách chống tham nhũng tiếp tục được kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng phòng, chống tham nhũng ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung 4 tội danh về tham nhũng đối với khu vực ngoài nhà nước (tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ, tội môi giới hối lộ); Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 dành một chương riêng về hoạt động phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước.

Nguyên nhân chủ yếu của kết quả đạt được là: 1. Quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; 2. Sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, ráo riết với nhiều quyết sách đúng đắn, kịp thời của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Quốc hội, Chính phủ; đặc biệt là sự gương mẫu, quyết liệt, nói đi đôi với làm của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt; 3. Sự nỗ lực, cố gắng của các cơ quan tham mưu và cấp ủy, tổ chức đảng, Bộ, ngành, địa phương, nhất là sự nỗ lực rất cao của các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng và các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương và địa phương; 4. Sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng tình, ủng hộ, khích lệ của nhân dân, sự chủ động vào cuộc rất tích cực của báo chí, tạo sức mạnh tổng hợp trong phòng, chống tham nhũng.

Một số bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

1. Phải biến quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng thành hành động thực tế của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; trước hết là sự gương mẫu, quyết liệt, nói đi đôi với làm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng; gắn đấu tranh phòng, chống tham nhũng với đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

2. Phải kết hợp chặt chẽ giữa tích cực phòng ngừa, chủ động phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có hành vi tham nhũng, bao che, dung túng, tiếp tay cho tham nhũng, can thiệp, cản trở việc chống tham nhũng theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Trong tình hình hiện nay, phòng ngừa là chính, cơ bản, lâu dài, phát hiện, xử lý là quan trọng, cấp bách.

3. Phải xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế về quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng đồng bộ, thống nhất, khả thi và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả. Thực sự

chú trọng kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn; xóa bỏ tình trạng đặc quyền, đặc lợi, kiểm soát có hiệu quả độc quyền của Nhà nước.

4. Phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của cơ quan và đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân, cơ quan truyền thông và báo chí, doanh nghiệp, doanh nhân trong phòng, chống tham nhũng. Chủ động công khai, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền về kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng để báo chí và Nhân dân theo dõi, giám sát. Phải lắng nghe dân, lắng nghe dư luận để chọn lọc tiếp thu cái đúng, không chạy theo dư luận. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo sự đồng thuận xã hội cao đối với công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian qua.

5. Bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ, quyết liệt, vững chắc, phù hợp, “đúng vai, thuộc bài” của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; sự đồng thuận, phối hợp chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả giữa các cơ quan của Đảng với các cơ quan của Nhà nước nói chung, chú trọng phát huy vai trò nòng cốt và sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát, nội chính của Đảng với cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nói riêng. Bảo đảm sự liêm chính của đội ngũ cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị phòng, chống tham nhũng.

6. Các giải pháp phòng, chống tham nhũng phải phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc. Trong từng thời gian khác nhau phải xác định những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp có tính đột phá phù hợp với tình hình của đất nước, của địa phương để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Một số vấn đề rút ra qua chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế thời gian qua

Thứ nhất, các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp được phát hiện, xử lý thời gian qua chủ yếu xảy ra từ các nhiệm kỳ trước(17). Bối cảnh và nguyên nhân chủ yếu của tình trạng đó là: 1. Đất nước trong quá trình phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng, đòi hỏi đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nhưng nhận thức ban đầu về kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về phát triển bao trùm, bền vững... trong một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; cơ chế, chính sách chưa hoàn thiện, tạo khoảng trống, bất cập giữa yêu cầu phát triển với khuôn khổ pháp lý và năng lực quản lý, điều hành, dẫn đến nhiều nơi “phá rào”; 2. Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý còn thiếu khuôn khổ pháp lý ràng buộc và chưa quan tâm đúng mức đến công tác kiểm tra, giám sát, quản lý, chưa chú ý đánh giá rõ đâu là năng động, sáng tạo, đâu là làm liêu, làm ầu để trục lợi, vì lợi ích nhóm; thiếu sự kiểm tra, phát hiện, cảnh báo kịp thời, kiên quyết của các cơ quan chức năng cấp trên, dẫn đến tùy tiện, lạm quyền, sai phạm, tham nhũng; 3. Ảnh hưởng của “tư duy nhiệm kỳ”, nóng vội để phát triển, từ đó có sự dễ dãi, buông lỏng kỷ luật, kỷ cương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý kinh tế - xã hội; 4. Công tác kiểm soát quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn hiệu quả chưa cao; tự kiểm tra, phát hiện tham nhũng trong nội bộ vẫn là khâu yếu; 5. Ý thức tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức và vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị còn có những hạn chế, có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ hai, việc xem xét, xử lý sai phạm trong các vụ án, vụ việc xảy ra trong thời gian qua phải được nhìn nhận rất biện chứng, với quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử - cụ thể và quan điểm phát triển; phân tích kỹ bối cảnh lịch sử cụ thể về tình hình thực tế và quy định của pháp luật tại thời điểm xảy ra sai phạm; xem xét kỹ động cơ, mục đích sai phạm, hậu quả thiệt hại và nguyên nhân để đánh giá khách quan, toàn diện trong tổng hòa các mối quan hệ. Từ đó, xác định đúng bản chất của vụ việc, hành vi sai phạm là vi phạm hành chính, dân sự hay hình sự để quyết định xử lý phù hợp, “thấu lý, đạt tình”, “rất nghiêm minh, nhưng cũng rất nhân văn”, “truy tố một vụ, cảnh tỉnh cả vùng”; xử lý nghiêm những người có hành vi sai phạm vì động cơ vụ lợi, cá nhân, đồng thời bảo vệ, khuyến khích những người dám nghĩ, dám làm, bút phá, đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung theo Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng(18). Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đã quán triệt sâu sắc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước trong chỉ đạo xử lý các vụ án, vụ việc vừa qua(19); Ban Tổ chức Trung ương đang khẩn trương xây dựng, tham mưu Bộ Chính trị về cơ chế khuyến khích và bảo vệ những cán bộ năng động, đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Thứ ba, các vụ án tham nhũng, kinh tế xảy ra trong thời gian qua rất phức tạp, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại rất lớn(20); hành vi phạm tội có sự đan xen, gắn kết giữa hành vi vi phạm trật tự quản lý kinh tế, chức vụ và hành vi tham nhũng(21); đối tượng phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn, có cả cán bộ cấp cao, cả cán bộ trong lực lượng chống tham nhũng, có kiến thức và kinh nghiệm, dùng mọi thủ đoạn đối phó, né tránh, che giấu sai phạm, tiêu hủy chứng cứ, tâu tán tài sản do phạm tội mà có..., gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, xử lý; nhưng cũng có nhiều đối tượng là cán bộ, công chức, người lao động phụ thuộc, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của đối tượng phạm tội là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, bị ràng buộc bằng cơ chế hành chính, mệnh lệnh, chưa nhận thức rõ hành vi phạm tội.

Do vậy, quá trình chỉ đạo, xử lý phải quán triệt nguyên tắc “không có vùng cấm”, “không có ngoại lệ”, “rõ đến đâu xử lý đến đó”; xem xét, đánh giá đúng bản chất, vai trò, tính chất, mức độ hành vi sai phạm của các đối tượng, đúng nguyên tắc hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trong các mối quan hệ giữa chủ thể chủ trì và chủ thể phối hợp (một việc chỉ giao một cơ quan, tổ chức, một người chủ trì chịu trách nhiệm chính), giữa thủ trưởng và nhân viên, giữa người có thẩm quyền quyết định và người tham mưu, giúp việc, thực hiện; từ đó xác định rõ trách nhiệm hình sự hay hành chính và cá thể hóa cho phù hợp(22), với tinh thần “trị bệnh cứu người”, tránh xử lý hình sự tràn lan; đồng thời phải chú trọng thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt, khoan hồng tương xứng đối với những người ăn năn, hối lỗi, tích cực khắc phục hoàn toàn hậu quả do mình gây ra.

Thứ tư, từ việc xử lý nghiêm khắc nhiều cán bộ, đảng viên sai phạm thời gian qua, đã có ý kiến lo ngại rằng, việc xử lý nghiêm khắc như vậy sẽ làm giảm sự đổi mới, sáng tạo, làm “chùn bước” những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, làm “chậm” sự phát triển; một số cán bộ, công chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý có biểu hiện thiếu quyết liệt, không dám làm,

né tránh, đùn đẩy, sợ sai, dẫn đến trì trệ. Thực tế, công tác phòng, chống tham nhũng và chỉnh đốn Đảng thời gian qua không “làm chậm” sự phát triển, mà đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội(23); củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận, phấn chấn trong nhân dân; làm cho cán bộ, công chức cần trọng hơn trong giải quyết công việc. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng và chỉnh đốn Đảng chỉ làm “chùn bước” những ai có động cơ không trong sáng, không nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, những người thiếu bản lĩnh. Do vậy, cần quán triệt và thực hiện nghiêm chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về chấn chỉnh, đấu tranh với tư tưởng lo ngại này trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; phải có ngay “liều vắc-xin” chống “vi-rút trì trệ” như Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo. Tuyệt đối không chủ quan, thỏa mãn, không được ngấp ngừng, chờ đợi, mà phải tiếp tục đẩy mạnh, quyết liệt, thường xuyên, liên tục, với quyết tâm cao hơn, mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn trong công tác phòng, chống tham nhũng và chỉnh đốn Đảng. Vừa kiên quyết chỉ đạo xử lý nghiêm những vụ, việc đã xảy ra, vừa đẩy mạnh công tác phòng ngừa tham nhũng, vừa đề cao cảnh giác và xử lý kịp thời những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để gây rối, bôi nhọ, làm mất đoàn kết nội bộ, chống phá đại hội đảng các cấp.

Thứ năm, qua xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, cần chú ý phát hiện những sơ hở, bất cập để khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả hệ thống thể chế về quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và phòng, chống tham nhũng.

Một số vấn đề cần được quan tâm trong công tác phòng, chống tham nhũng thời gian tới

Tuy đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, nhưng tham nhũng trên một số lĩnh vực vẫn còn nghiêm trọng, phức tạp, gây bức xúc trong xã hội(24); tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta.

1. Tham nhũng diễn ra trong nội bộ, do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện. Phòng, chống tham nhũng là cuộc đấu tranh ngay trong chính bản thân mỗi con người, trong mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; liên quan đến lợi ích, tiền tài, chức vụ, danh vọng, uy tín của tổ chức, cá nhân; do đó, là cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp, lâu dài, luôn bị các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng để chống phá, gây mất ổn định chính trị. Vì vậy:

Vừa phải kiên quyết phát hiện, xử lý tham nhũng; vừa phải kiên trì giáo dục, quản lý, ngăn ngừa không để xảy ra tham nhũng; đồng thời bảo vệ, phát huy được nhân tố tích cực trong đấu tranh chống tham nhũng, xây dựng cho được văn hóa tiết kiệm, không tham nhũng, trước hết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Vừa phát huy vai trò của nhân dân, các tổ chức xã hội, truyền thông, báo chí trong đấu tranh chống tham nhũng; vừa phải cảnh giác và đấu tranh với những âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng để bôi nhọ, phá hoại Đảng, Nhà nước, chế độ ta.

2. Phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; phải được tiến hành ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực, thực hiện đồng bộ các biện pháp; có trọng tâm, trọng điểm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ.

Người đứng đầu phải gương mẫu, quyết liệt và chịu trách nhiệm về những yếu kém, sai phạm về tham nhũng trong tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Phải kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi né tránh, dung túng, bao che tham nhũng; nhưng phải đánh giá đúng, bảo vệ những cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu chủ động, tích cực phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng.

3. Tham nhũng là “khuyết tật bẩm sinh của quyền lực”, do đó người được giao chức vụ, quyền hạn phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, thường xuyên tự soi, tự sửa; đồng thời phải tăng cường giám sát, kiểm soát có hiệu quả việc thực thi quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn; mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, quyền lực phải được ràng buộc bằng trách nhiệm, quyền lực đến đâu, trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao, trách nhiệm càng lớn, lạm dụng, lợi dụng quyền lực thì phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý vi phạm. Vì vậy, phải công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập và nâng cao trách nhiệm giải trình của người có chức vụ, quyền hạn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của Đảng và Nhà nước để “không thể tham nhũng”, “không dám tham nhũng” và “không cần tham nhũng”.

4. Chú trọng nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng; nhất là đội ngũ cán bộ kiểm tra, nội chính đảng, thanh tra, kiểm toán, điều tra, viện kiểm sát, tòa án, thi hành án trực tiếp làm công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Kiểm soát quyền lực và thực hành liêm chính trước hết phải được tiến hành có hiệu quả trong các lực lượng này, phải “chống tham nhũng chính ngay trong các cơ quan chống tham nhũng”, như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ đạo(25).

5. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương thể chế hóa các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng đã được đề ra trong các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng để tổ chức thực hiện nghiêm túc. Khắc phục tình trạng nghị quyết đúng, quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước không thiếu nhưng thực hiện không nghiêm, không hiệu quả.

6. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, khẩn trương làm rõ các trường hợp cán bộ, đảng viên có liên quan trong các vụ án, vụ việc để phục vụ công tác nhân sự đại hội đảng các cấp.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng yêu cầu: “Phải tập trung vào làm, hành động, thực hiện, không chỉ là lời nói, trên giấy tờ, hô hào chung chung, mà phải bằng những việc làm hết sức cụ thể, thiết thực, hiệu quả, nhìn thấy được trong thực tế”(26); “Trung ương đã và đang làm quyết liệt, địa phương cũng phải quyết liệt. Công tác chỉ đạo của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật không thiếu, nhưng cái cần nhất hiện nay là sự tự giác, sự thống nhất cao về ý chí và hành động. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền phải vào cuộc đồng bộ với quyết tâm cao và quyết liệt hơn”(27).

Phan Đình Trạc, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Ban Nội chính Trung ương

Nguồn: noichinh.vn

(1) Ban Chỉ đạo được thành lập ngày 01/2/2013 theo Quyết định số 162-QĐ/TW của Bộ Chính trị

(2) Năm 2019, so với năm đầu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (năm 2016), tỷ lệ đánh giá công tác “phòng, chống tham nhũng, lãng phí, lợi ích nhóm” đã đạt được kết quả đáng phấn khởi, tăng từ 29% lên 48%; năm 2020, tỷ lệ dự đoán công tác phòng, chống tham nhũng sẽ có sự chuyển biến tích cực đạt 75% (năm 2018, dự đoán cho năm 2019 đạt tỷ lệ 66%; năm 2017, dự đoán cho năm 2018 đạt tỷ lệ 52%; năm 2016, dự đoán cho năm 2017 đạt tỷ lệ 45% - theo Báo cáo số 23-BCĐT/DLXH, ngày 16/4/2020, của Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương). Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế, Chỉ số Cảm nhận tham nhũng (CPI) của Việt Nam năm 2015 đạt 31/100 điểm, đứng thứ 112/168 trên bảng xếp hạng toàn cầu; năm 2016, đạt 33/100 điểm, đứng thứ 113/176 trên bảng xếp hạng toàn cầu; năm 2019, đạt 37/100 điểm, đứng thứ 96/180 trên bảng xếp hạng toàn cầu

(3) Theo Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam năm 2019 (PAPI 2019), cảm nhận về mức độ thay đổi của tham nhũng ở các cấp chính quyền thể hiện như sau: ở cấp quốc gia mức độ tham nhũng thuyên giảm đạt tỷ lệ 54,22% (năm 2018 đạt tỷ lệ 49,32%); ở cấp tỉnh/thành phố mức độ tham nhũng thuyên giảm đạt tỷ lệ 59,71% (năm 2018 đạt tỷ lệ 55,68%); ở cấp xã/ phường mức độ tham nhũng thuyên giảm đạt tỷ lệ 65,42% (năm 2018 đạt tỷ lệ 59,78%).

(4) Trong đó có 23 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (có 2 đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, 1 đồng chí nguyên Ủy viên Bộ Chính trị), 22 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang

(5) Trong đó, tội phạm tham nhũng: đã khởi tố, điều tra 1.753 vụ/3.800 bị can, truy tố 1.796 vụ/4.113 bị can, xét xử sơ thẩm 1.691 vụ/3.841 bị cáo; tội phạm khác về chức vụ: đã khởi tố, điều tra 226 vụ/712 bị can, truy tố 204 vụ/721 bị can, xét xử sơ thẩm 185 vụ/704 bị cáo; tội phạm kinh tế: đã khởi tố, điều tra 10.199 vụ/16.174 bị can, truy tố 8.397 vụ/15.517 bị can, xét xử sơ thẩm 8.042 vụ/14.481 bị cáo

(6) Từ đầu nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đến nay, đã theo dõi, chỉ đạo xử lý 114 vụ án, 92 vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm. Đến nay, đã kết thúc điều tra, truy tố và đưa ra xét xử sơ thẩm 62 vụ án/598 bị cáo, tuyên phạt 3 bị cáo tử hình, 12 bị cáo (11 người) tù chung thân, 8 bị cáo 30 năm tù, 19 bị cáo từ 20 năm đến dưới 30 năm tù, 510 bị cáo từ 12 tháng đến dưới 20 năm tù, trong đó phạt tù cho hưởng án treo 120 bị cáo, cải tạo không giam giữ 16 bị cáo, phạt tiền 29 bị cáo, miễn trách nhiệm hình sự 1 bị cáo; xét xử phúc thẩm 48 vụ/459 bị cáo, tuyên phạt 5 bị cáo án tử hình, 12 bị cáo tù chung thân, 14 bị cáo mức án 30 năm tù, 16 bị cáo mức án từ 20 năm đến dưới 30 năm tù, 377 bị cáo mức án từ 20 tháng đến dưới 20 năm tù... Trong đó, có 14 cán bộ diện Trung ương quản lý (5 người là nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó có 1 nguyên Ủy viên Bộ Chính trị); nhiều sĩ quan cấp cao trong lực lượng vũ trang (3 nguyên Thứ trưởng, 6 sĩ quan cấp tướng, 11 sĩ quan cấp thượng tá, đại tá).

Riêng Ban Chỉ đạo 110 đã theo dõi, chỉ đạo xử lý 10 vụ án/68 bị can liên quan đến Phan Văn Anh Vũ và Đinh Ngọc Hệ (trong đó, có 7 vụ án/39 bị can liên quan đến Phan Văn Anh Vũ; 3 vụ án/29 bị can liên quan đến Đinh Ngọc Hệ). Đến nay, đã xét xử sơ thẩm 8 vụ án/50 bị cáo, tuyên phạt 2 bị cáo 30 năm tù, 46 bị cáo từ 18 tháng đến dưới 20 năm tù (trong đó, phạt tù cho hưởng án treo 2 bị cáo), cải tạo không giam giữ 1 bị cáo, miễn trách nhiệm hình sự 1 bị cáo; xét xử phúc thẩm 4 vụ án/15 bị cáo, tuyên phạt 1 bị cáo 30 năm tù, 13 bị cáo từ 18 tháng đến dưới 12 năm tù, cải tạo không giam giữ 1 bị cáo.

(7) Có 15 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý bị xử lý hình sự (6 nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó 1 nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, 6 sĩ quan cấp tướng), 11 sĩ quan cấp thượng tá, đại tá.

(8) Trong đó, tội phạm tham nhũng: đã khởi tố, điều tra 970 vụ/2.137 bị can, truy tố 939 vụ/2.209 bị can, xét xử sơ thẩm 892 vụ/2.118 bị cáo; tội phạm khác về chức vụ: đã khởi tố, điều tra 126 vụ/471 bị can, truy tố 106 vụ/424 bị can, xét xử sơ thẩm 101 vụ/441 bị cáo; tội phạm kinh tế: đã khởi tố, điều tra 6.174 vụ/9.695 bị can, truy tố 4.868 vụ/9.010 bị can, xét xử sơ thẩm 4.648 vụ/8.411 bị cáo

(9) Nhiều địa phương đã chỉ đạo phát hiện, xử lý nghiêm nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế, xử lý nghiêm cả cán bộ thuộc diện tỉnh ủy, thành ủy quản lý, như TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Phú Thọ, Thanh Hóa, Bình Dương, Đắk Lắk, Đắk Nông, An Giang,...

(10) Nhất là trong các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo, đã thu giữ, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, ngăn chặn giao dịch tài sản giá trị trên 50.000 tỷ đồng. Trong giai đoạn thi hành án, công tác thu hồi tài sản cũng có bước chuyển biến; giai đoạn 2016 - 2018, đã thu hồi được số tiền 10.255 tỷ đồng, cao gần gấp 2 lần giai đoạn 2013 - 2015.

(11) Ban Thường vụ Thành ủy TP. Hồ Chí Minh; Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

(12) Gồm: 6 Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (trong đó có 1 Ủy viên Bộ Chính trị, 1 nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, 1 nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ); 3 Thứ trưởng, nguyên Thứ trưởng, 5 Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(13) Các địa phương điều tra, truy tố, xét xử nhiều vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế, như TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Nam Định, Sơn La, Hòa Bình,...

(14) Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành gần 80 văn bản nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phòng, chống tham nhũng. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành 62 luật, 1 pháp lệnh, 66 nghị quyết; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành 611 nghị định, 532 nghị quyết, 197 quyết định nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội

(15) Kết luận số 12-KL/TW ngày 23/3/2017 của Bộ Chính trị về “Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về công tác cán bộ”; Thông báo Kết luận số 36-TB/TW ngày 19/7/2017

của Bộ Chính trị “Về công tác luân chuyển cán bộ”; Quy định số 89-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị về “Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Quy định số 90-QĐ/TW ngày 4/8/2017 của Bộ Chính trị về “Tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”; Quy định số 98-QĐ/TW ngày 7/10/2017 của Bộ Chính trị “Về luân chuyển cán bộ”; Kết luận số 24-KL/TW ngày 15/12/2017 của Bộ Chính trị “Về nguyên tắc điều động, phân công, bố trí công tác đối với cán bộ Trung ương luân chuyển”; Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị “Về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử”; Quy định số 179-QĐ/TW ngày 25/2/2019 của Bộ Chính trị “Về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ”; Thông báo Kết luận số 48-KL/TW ngày 26/4/2019 của Ban Bí thư “Về kết quả tự kiểm tra, rà soát thực hiện công tác cán bộ”; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị “Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”; Quy định số 205-QĐ/TW ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị “Về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”; Quy định số 214-QĐ/TW ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về “Khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”; Thông báo Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư “Về xử lý sai phạm trong công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức theo Thông báo kết luận số 43-TB/TW ngày 28/12/2017 của Bộ Chính trị”...

(16) Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, môi trường kinh doanh của Việt Nam năm 2017 tăng 14 bậc so với năm 2016 (xếp thứ 68/190 nền kinh tế trên thế giới); năm 2019 xếp thứ 69/190 nền kinh tế. Theo kết quả PCI (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) năm 2019, 81,3% số doanh nghiệp nhận thấy “cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả” (tăng so với mức 67,4% năm 2015; 74,1% năm 2018); 72,6% số doanh nghiệp cho biết “thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn so với quy định” (năm 2017 là 67%, năm 2018 là 68,9%)... Theo kết quả PAPI năm 2019, 87% số người sử dụng hài lòng với dịch vụ chứng thực, xác nhận và dịch vụ hành chính cấp xã, phường,...

(17) Như vụ án Dương Chí Dũng, vụ án Vũ Quốc Hảo, vụ án Huỳnh Thị Huyền Như, vụ án Phạm Công Danh, vụ án Hà Văn Thắm, vụ án Giang Kim Đạt, vụ án Đinh La Thăng, vụ án Trịnh Xuân Thanh, vụ án Phan Văn Anh Vũ, vụ án đánh bạc và tổ chức đánh bạc xảy ra tại Phú Thọ và một số địa phương, vụ án AVG, vụ án Đinh Ngọc Hệ...

(18) “Bên cạnh việc xử lý nghiêm đối với những trường hợp sai phạm, chúng ta cũng cần có cơ chế để bảo vệ, khuyến khích những cán bộ, đảng viên, người đứng đầu dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn, đi đầu trong đổi mới vì sự phát triển của đất nước; việc đánh giá, nhìn nhận về các sai phạm cũng cần phải đặt trong những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể để có quan điểm xử lý khách quan, phù hợp” (Phát biểu kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc công tác phòng, chống tham nhũng năm 2018).

(19) Như các vụ án xảy ra tại: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines), Ngân hàng Đại Dương, Ngân hàng Xây dựng Việt Nam, Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Đại Tín, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)...

(20) Như vụ án AVG là trên 8.770 tỷ đồng; các vụ án về Phan Văn Anh Vũ khoảng 20.000 tỷ đồng; vụ án xảy ra tại Ngân hàng Đại Tín trên 10.000 tỷ đồng; vụ án xảy ra tại Ngân hàng Xây dựng Việt Nam trên 9.000 tỷ đồng...

(21) Tỷ lệ án tham nhũng/án tham nhũng, kinh tế được khởi tố từ năm 2011 đến năm 2016 là 19,2% (1.667 vụ/8.668 vụ); từ năm 2016 đến năm 2019 là 23,5% (1.267 vụ/5.380 vụ). Trong tổng số 119 vụ án tham nhũng, kinh tế thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo có 34 vụ án tham nhũng (28,57%); nhiều vụ án được mở rộng điều tra, như: 1. Vụ án xảy ra tại Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn, ban đầu khởi tố về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí”; sau khi mở rộng điều tra, cơ quan điều tra đã bổ sung quyết định khởi tố vụ án về tội “Tham ô tài sản”, khởi tố 7 bị can về tội “Tham ô tài sản”; 2. Mở rộng điều tra giai đoạn II vụ án đánh bạc và tổ chức đánh bạc xảy ra tại Phú Thọ và một số địa phương, cơ quan điều tra đã khởi tố thêm vụ án “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, khởi tố bị can đối với Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông; 3. Vụ án Mobifone mua 95% số cổ phần AVG, ban đầu khởi tố vụ án về tội “Vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư gây hậu quả nghiêm trọng”; quá trình điều tra mở rộng, đã khởi tố bổ sung vụ án về tội “Nhận hối lộ” và “Đưa hối lộ”, khởi tố bổ sung 4 bị can về tội “Nhận hối lộ”, khởi tố 1 bị can về tội “Đưa hối lộ”; 4. Vụ án Phan Văn Anh Vũ và đồng phạm; Đinh Ngọc Hệ và đồng phạm, đến nay đã mở rộng điều tra, xử lý đối với 11 vụ án, 11 vụ việc liên quan, trong đó có nhiều vụ án, bị cáo bị đưa ra xét xử về các tội tham nhũng.

(22) Giữa các trường hợp vi phạm, bị can, bị cáo là người lãnh đạo, người có thẩm quyền quyết định và người tham mưu, người thực hiện, người chấp hành nhiệm vụ cấp trên; giữa thủ trưởng và nhân viên, người làm công ăn lương; giữa người chủ mưu, cầm đầu, tích cực thực hiện và người đồng phạm giúp sức; giữa người quanh co chối tội và người thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, tích cực khắc phục hậu quả...

(23) Năm 2017, hoàn thành và hoàn thành vượt mức 12/13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, tăng trưởng GDP đạt 6,81%; năm 2018, hoàn thành và hoàn thành vượt mức 13/13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, tăng trưởng GDP đạt 7,08%, mức cao nhất trong vòng một thập niên trở lại đây; năm 2019, 12/12 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt và vượt chỉ tiêu, GDP tăng trưởng 7,02%, là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP vượt mức 7% kể từ năm 2011;...

(24) Theo báo cáo số 16-BCĐT/DLXH ngày 6/8/2019 của Viện Dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương, 80% số người được hỏi ý kiến cho rằng, tham nhũng đứng đầu trong các vấn đề mà người dân lo lắng, bức xúc nhất.

(25), (26) Phát biểu kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại Hội nghị toàn quốc về công tác phòng, chống tham nhũng, ngày 05/5/2014.

(27) Báo Nhân Dân, số Xuân Mậu Tuất, năm 2018.

CHUYỂN ĐỔI SỐ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA: LỰA CHỌN PHÙ HỢP

Chuyển đổi số, ứng dụng các 'phần mềm tối ưu hóa quản trị tổng thể, hoạch định các nguồn lực để phát triển hiệu quả (ERP)', mặc dù điều kiện, nguồn lực và con người còn nhiều hạn chế, khó khăn, song các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoàn toàn vẫn có thể lựa chọn được các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của mình.

Lợi ích của chuyển đổi số đã được các nghiên cứu và thực tiễn chứng minh, có thể giúp cho các doanh nghiệp nói chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng, tối ưu hóa quy trình quản trị, vận hành, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững... Tuy nhiên, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có cơ hội tiếp cận được các giải pháp chuyển đổi số phù hợp, đặc biệt là ERP.

Theo khảo sát mới đây của Công ty Tư vấn Deloit, tại Việt Nam vẫn còn khoảng 80% doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa chú trọng chuyển đổi số. Nguyên nhân, do nguồn lực hạn chế, qui trình quản trị, nhân sự nội tại chưa đáp ứng và chưa sẵn sàng thích nghi được với các giải pháp chuyển đổi số, chưa có hạ tầng công nghệ thông tin, chủ yếu vẫn quản trị, vận hành và tổ chức công việc thủ công. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa không có đội ngũ nhân sự đủ trình độ về công nghệ số, kinh nghiệm triển khai và vận hành các hệ thống phần mềm số hóa (nhất là ở các vùng nông thôn). Chi phí chuyển đổi số ứng dụng và vận hành ERP thường vượt quá nhiều so với tiềm lực ngân sách.

Ông Nguyễn Duy Hải, Công ty Geso.us, cho rằng: Không chuyển đổi số, mà quản trị và vận hành theo phương thức thủ công, việc khớp nối kế hoạch sản xuất và kế hoạch kinh doanh gặp nhiều khó khăn, rất khó chủ động và tối ưu hóa được hiệu quả. Để hoạch định kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dữ liệu thông tin phân tích để ra quyết định là rất quan trọng, nhưng quản trị thủ công thì độ chính xác rất thấp, việc thu thập dữ liệu cũng rất khó khăn. Các doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, quản trị thủ công rất khó điều phối hợp lý về nhiều mặt, khó tối ưu hóa được quản lý nhân sự, tài chính, sản xuất, kinh doanh...

Theo ông Hải, chuyển đổi số (ứng dụng ERP) có thể giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa khắc phục được triệt để các bất cập, khó khăn của quản trị thủ công; kiểm soát hồ sơ và tra cứu thông tin sản phẩm, kiểm soát chi phí, marketing, kiểm soát dòng tiền (quản lý nợ, doanh thu, lợi nhuận, bán hàng, thanh toán...) và những vấn đề khác hiệu quả hơn nhiều thông qua số hóa các qui trình. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể vận hành hệ thống nội bộ theo quy trình chuẩn được thiết kế bởi các phần mềm ứng dụng, có sự phối hợp liên kết giữa các bộ phận suôn sẻ, các dữ liệu chia sẻ tức thời, lãnh đạo các bộ phận của doanh nghiệp có thể ra quyết định nhanh và chính xác dù đang ở bất cứ nơi đâu, thời gian nào; có thể mở rộng mạng lưới kinh doanh, mở rộng sản phẩm và dịch vụ, tiếp cận nhiều khách hàng hơn mà không lo bị quá tải công việc; xác định được những rủi ro để hoàn thiện cơ chế quản trị, thông qua tính năng phần mềm cảnh

báo tức thì các chỉ số quản trị, vận hành (ví dụ thiếu/thừa nguyên liệu, hàng tồn kho, hàng cận date, dòng tiền, công nợ, kế hoạch sản xuất, giá thành, lãi, lỗ...) để điều chỉnh.

Các chuyên gia thuộc Viện Đào tạo và Tư vấn doanh nghiệp (thuộc Trường Đại học Ngoại thương), nhận định, nếu có cách tiếp cận thích hợp, doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn có thể chuyển đổi số hiệu quả. Trước tiên là nhận thức và quyết tâm thay đổi của lãnh đạo, của nhân viên, chuyển đổi số từng phần, từ đơn giản (trang bị thiết bị di động, laptop... kết nối trực tuyến để điều hành, tổ chức làm việc từ xa bằng việc sử dụng các phần mềm miễn phí) đến phức tạp (đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng các phần mềm trả phí...).

Hiện nay, một số đơn vị cung cấp giải pháp chuyển đổi số đã phát triển ERP (chẳng hạn như SalesUP ERP...) và đưa ra thị trường phù hợp với qui mô, điều kiện, tiềm lực của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đã có những doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực tiêu dùng, dược... ứng dụng khá thành công ERP, qua đó giúp tối ưu hóa quản lý, vận hành, giảm chi phí, tăng doanh thu, lợi nhuận...

Tuy nhiên, với đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số vẫn là một câu chuyện nhiều nan giải, bởi các yếu tố cần và đủ (nhận thức và quyết tâm của lãnh đạo, nguồn lực, con người, hạ tầng công nghệ thông tin...) của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nhiều hạn chế, nhất là nguồn lực để đầu tư thường vượt quá khả năng tài chính. Đây là vấn đề trong chương trình chuyển đổi số quốc gia hướng đến Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số rất cần được quan tâm để có các giải pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

Ông Nguyễn Duy Hải, cho rằng, để ứng dụng ERP, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xác định được đúng nhu cầu và quyết tâm chuyển đổi số, xác định rõ phạm vi áp dụng, có kế hoạch cụ thể để thực hiện và cần lựa chọn đơn vị tư vấn, cung cấp và triển khai giải pháp ERP có năng lực, kinh nghiệm; lựa chọn được nhân sự thích hợp để vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt qui trình triển khai. Đào tạo đội ngũ nhân lực có đủ năng lực vận hành và làm chủ ERP, có khả năng kiểm soát tốt trong quá trình vận hành, người dùng chính có thể đào tạo và hướng dẫn cho người mới tuyển dụng trong trường hợp bổ sung nhân sự.

Nguồn: congthuong.vn

THÁO GỠ KHÓ KHĂN VỀ CHÍNH SÁCH ĐỂ DOANH NGHIỆP VƯỢT QUA COVID-19

Nhiều doanh nghiệp mong muốn chính quyền các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật nhằm tạo một môi trường kinh doanh thuận lợi. Đây sẽ là hỗ trợ quan trọng cho sự phục hồi bền vững của các doanh nghiệp trong quá trình ứng phó với tác động của đại dịch toàn cầu COVID-19.

Dịch bệnh COVID-19 không chỉ làm ảnh hưởng tới đời sống xã hội mà còn làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính đưa kinh tế thế

giới vào vòng suy giảm. Làn sóng phá sản doanh nghiệp đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới, với ước tính tỷ lệ doanh nghiệp có thể mất khả năng thanh toán sẽ tăng tới 35% trong giai đoạn từ năm 2019 đến 2021.

Theo thống kê ban đầu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trung bình cứ 3 doanh nghiệp trên thế giới thì có 1 doanh nghiệp đứng trước nguy cơ mất khả năng thanh toán. Kéo theo đó là làn sóng mất việc làm của người lao động. Báo cáo của Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, COVID-19 đã khiến cho mức tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 và 10 tháng 2021 ở mức thấp nhất và cũng là năm mà số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường đạt mức kỷ lục, vượt ngưỡng 100 ngàn doanh nghiệp.

Mặc dầu vậy, thời gian qua, Việt Nam cũng ghi dấu sự kiên cường của cộng đồng doanh nghiệp để vượt lên hoàn cảnh khó khăn và quả thực, chúng ta đã phát hiện ra rằng khả năng chống chịu kiên cường đang trở thành một năng lực cạnh tranh cốt lõi của nền kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp Việt. Doanh nghiệp cũng đã thức tỉnh và ngộ ra nhiều điều qua đại dịch. Doanh nghiệp phải suy ngẫm lại chiến lược, phải tái cấu trúc, đào tạo lại nguồn lao động, chú trọng nhiều hơn đến thị trường nội địa, xây dựng ngành công nghiệp hỗ trợ và chuỗi cung ứng Việt, đồng thời với việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và nguồn cung ứng... Các sáng kiến trong ứng phó với COVID-19 đã được các doanh nghiệp thực hiện. Quá trình chuyển đổi số cũng từng bước được triển khai. Đó là những bài học và trải nghiệm vô giá từ COVID-19.

Có được những kết quả đó, ngoài sự chủ động tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, có vai trò cổ vũ và yểm trợ của Nhà nước. Để khắc phục hậu quả từ dịch COVID-19, nhiều chính sách đã được ban hành, với các gói hỗ trợ lớn bao gồm: Chính sách tiền tệ, trọng tâm là cơ cấu lại nợ, miễn, giảm lãi suất, hỗ trợ tín dụng với quy mô 250 nghìn tỷ đồng; chính sách hỗ trợ bảo đảm an sinh xã hội 62 nghìn tỷ đồng; chính sách tài khóa, trọng tâm là gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất với quy mô 180 nghìn tỷ đồng và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trả lương cho người lao động 16 nghìn tỷ đồng. Chính phủ cũng đẩy mạnh các chương trình giải ngân vốn đầu tư công, tạo cú hích cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt, Chính phủ cũng đã trình Quốc hội thông qua nghị quyết cắt giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp chủ yếu thuộc quy mô vừa và nhỏ, có doanh số dưới 200 tỷ đồng/năm để thực hiện giảm trọng điểm chịu ảnh hưởng bởi COVID-19. Có thể nói đây là hệ thống các gói giải pháp, chính sách khá đồng bộ, chưa từng có ở Việt Nam.

Trong đó, các chính sách hỗ trợ và sự đồng hành của Chính phủ trong bối cảnh COVID-19 được các doanh nghiệp đánh giá cao nhất là các chính sách tài khóa như việc giãn, hoãn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập, tiền thuê đất, các chính sách nới lỏng về tín dụng của các ngân hàng. Kết quả khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho thấy một số chính sách như gia hạn đóng thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn đóng thuế giá trị gia tăng nhìn chung dễ tiếp cận hơn cả. Còn việc vay lãi suất 0% để trả lương cho người lao động được đánh giá là chính sách khó tiếp cận nhất.

Có thể nói, việc ban hành các chính sách trên đã kịp thời cổ vũ, động viên tinh thần đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Một thông điệp vô cùng tích cực về sự đồng hành từ Chính phủ đã được lan tỏa tới cộng đồng kinh doanh.

Thực tế, suốt thời gian qua. Chính phủ cũng đã và đang chứng minh bằng hành động quyết liệt và kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn cao điểm của đại dịch COVID-19 dù ngân sách trung ương eo hẹp. Tuy vậy, các chính sách ban hành để đáp ứng với “trạng thái khẩn cấp” đã bộc lộ những bất cập và cần phải điều chỉnh để phù hợp với “trạng thái bình thường mới”. Hiện nay, chúng ta đang đón chờ kế hoạch phục hồi sắp tới sẽ được Quốc hội xem xét để có những giải pháp hỗ trợ bổ sung cùng với kế hoạch hành động của năm 2022 vừa được Quốc hội thông qua mới đây.

Liên quan tới vấn đề này, kết quả khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam mới đây cũng chỉ ra, cộng đồng doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ, các bộ ngành và chính quyền các địa phương cần phổ biến rộng rãi hơn thông tin về các chính sách hỗ trợ, cắt giảm mạnh mẽ các thủ tục hành chính, đơn giản hóa các tiêu chí, điều kiện tiếp cận cũng như đảm bảo công bằng giữa các đối tượng trong diện được hỗ trợ. Nhiều doanh nghiệp mong muốn chính quyền các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật nhằm tạo một môi trường kinh doanh thuận lợi - đây sẽ là hỗ trợ quan trọng cho sự phục hồi bền vững của các doanh nghiệp trong quá trình ứng phó với tác động của đại dịch toàn cầu COVID-19.

Thiết nghĩ, vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay vẫn là sự quyết tâm đã có, điều quan trọng là thống nhất, đồng lòng trong toàn hệ thống, từ Trung ương xuống cơ sở với việc phối kết hợp chặt chẽ để đưa các kiến nghị tổng hợp từ thực tế thực thi của các cấp chính quyền địa phương trở nên hiệu quả; từng bước gỡ bỏ các vướng mắc thực tế khi tiếp cận các gói hỗ trợ từ doanh nghiệp cũng như phát huy đúng và đủ vai trò của các phương tiện truyền thông, báo chí nhằm chung tay tuyên truyền, hỗ trợ quá trình triển khai chính sách mới...

Bên cạnh đó, hơn lúc nào hết là sự chủ động và linh hoạt từ bản thân các doanh nghiệp với các đổi mới đáp ứng nhu cầu mới với các ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số mạnh mẽ để tận dụng tối đa cơ hội từ cách mạng công nghệ 4.0 “bứt phá” vươn lên trong bối cảnh dịch bệnh còn phức tạp như hiện nay.

Nguồn: dangcongsan.vn

BÃI BỎ 27 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH

Ngày 24/11/2021, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh ký Quyết định số 35/2021/QĐ-TTg bãi bỏ toàn bộ 27 văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ.

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Quyết định số 118-TTg ngày 26 tháng 3 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc mua tin kinh tế chuyên ngành của các hãng tin nước ngoài.
2. Quyết định số 595/TTg ngày 15 tháng 12 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ.
3. Quyết định số 113/2004/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 595/TTg ngày 15 tháng 12 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công an nhân dân khi xuất ngũ.
4. Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải nguy hại.
6. Quyết định số 219/1999/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.
7. Quyết định số 102/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Cục Dự trữ Quốc gia về trực thuộc Bộ Tài chính.
8. Quyết định số 105/2000/QĐ-TTg ngày 25 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nộp nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuê nhà, đất.
9. Quyết định số 990/2002/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.
10. Quyết định số 195/2003/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế.
11. Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.
12. Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

13. Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

14. Quyết định số 223/2006/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 169/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc đầu tư, mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin của các cơ quan, tổ chức sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Quyết định số 255/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia y tế dự phòng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

16. Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Việt Nam.

17. Quyết định số 105/2007/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Định hướng Chính sách tài chính nhà ở quốc gia đến năm 2020.

18. Quyết định số 116/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

19. Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020.

20. Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012.

21. Quyết định số 68/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ trái phiếu Chính phủ hỗ trợ các địa phương thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên năm 2008.

22. Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

23. Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010 - 2020.

24. Quyết định số 04/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền quyết định danh mục và biện pháp xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

25. Quyết định số 36/2018/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục ký kết, thực hiện thỏa thuận nhân danh Chính phủ và kiến nghị Chủ tịch nước quyết định ký kết thỏa thuận nhân danh Nhà nước không phải là Điều ước quốc tế.

26. Chỉ thị số 297-CT ngày 26 tháng 11 năm 1986 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài.

27. Chỉ thị số 21/2007/CT-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ cho vay ưu đãi để học đại học, cao đẳng và dạy nghề.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/12/2021.

Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ VỀ KẾT QUẢ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 17/11/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BKHCN quy định biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Kết quả khoa học và công nghệ là cơ sở để xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Thông tư số 10/2021/TT-BKHCN quy định cụ thể về kết quả khoa học và công nghệ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP.

Kết quả khoa học và công nghệ được công nhận thông qua hình thức giải thưởng

Theo đó, các kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền công nhận thông qua hình thức đạt giải thưởng về khoa học và công nghệ quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP bao gồm: 1. Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ; 2. Giải thưởng Tạ Quang Bửu; 3. Giải thưởng Trần Đại Nghĩa; 4. Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam; 5. Giải thưởng Kovalevskaia; 6. Các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 60/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận

Thông tư cũng quy định, các kết quả khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP bao gồm:

Kết quả khoa học và công nghệ tạo ra các sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sản xuất, lưu hành tại Việt Nam, bao gồm: a) Giống cây trồng, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật sản xuất tại Việt Nam được cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng, Quyết định công nhận phân bón lưu hành, Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam; b) Thuốc và nguyên liệu làm thuốc, trang thiết bị y tế sản xuất tại Việt Nam được cấp Giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam;

c) Chế phẩm sinh học trong lĩnh vực môi trường sản xuất tại Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận hoặc Giấy thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách Nhà nước.

Các kết quả khoa học và công nghệ khác được các Bộ, cơ quan ngang Bộ theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận, xác nhận theo quy định của pháp luật.

Thông tư cũng quy định việc xác định kết quả khoa học và công nghệ là công nghệ nhận chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam cần đáp ứng các tiêu chí sau: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; b) Thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại Khoản 4 Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ và Phụ lục I của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP. Doanh nghiệp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam có năng lực ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ được chuyển giao.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/01/2022.

Nguồn: baochinhpvu.vn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Ngày 10/11/2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học công lập.

Thông tư quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) mã số V.07.01.02 như sau: Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II); đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) quy định tại Điều 6 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) là được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) mã số V.07.01.01; đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) quy định tại Điều 7 Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT.

Nội dung và hình thức xét thăng hạng gồm xét hồ sơ, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng và thẩm định, quy đổi điểm công trình khoa học.

Xét thăng hạng thực hiện qua 2 bước

Thông tư cũng quy định rõ, việc xét thăng hạng được thực hiện qua 2 bước. Bước 1: Xét hồ sơ và thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định. Bước 2: Tính điểm, quy đổi kết quả chuyên môn nghiệp vụ của viên chức dự xét bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện chung của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng ở Bước 1, thực hiện tính điểm theo quy định tại Điều 8 và Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, Thông tư nêu rõ: Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số: V.07.01.02 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 3,5 điểm và lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

Người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số: V.07.01.01 là viên chức được Hội đồng xét thăng hạng xác định đạt tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, trong đó điểm kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi đạt tối thiểu 8,0 điểm và lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

Ngoài ra, Thông tư quy định chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức có trách nhiệm thông báo kết quả xét và danh sách viên chức trúng tuyển bằng văn bản tới cơ quan, đơn vị cử viên chức tham dự kỳ xét.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 26/12/2021.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI

CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Chủ tịch nước:

Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân, trao quyết định thăng quân hàm trước thời hạn từ Phó Đô đốc Hải quân lên Thượng tướng cho ông Phạm Hoài Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.

Trao Quyết định khen thưởng, nghỉ hưu cho một số thành viên Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021

Nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng vinh dự được nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng.

Các đồng chí: Nguyên Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng; Nguyên Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nguyễn Xuân Cường; Nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Ngọc Thiện; Nguyên Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam Trần Bình Minh vinh dự được nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng.

Các đồng chí: Nguyên Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam Nguyễn Thế Kỷ; Nguyên Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam Nguyễn Đức Lợi vinh dự được nhận Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng.

* Bộ Chính trị quyết định:

Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Quyết định về việc phân công kiêm giữ chức Phó Trưởng ban và Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tại Quyết định số 378-QĐNS/TW, Bộ Chính trị quyết định phân công đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực kiêm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Tại Quyết định số 379-QĐNS/TW, Bộ Chính trị quyết định phân công đồng chí Lê Minh Hưng, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng kiêm giữ chức vụ Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Sau khi kiện toàn, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gồm 18 thành viên do Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Trưởng ban; đồng chí Phan Đình Trạc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Nội chính Trung ương là Phó Trưởng ban Thường trực và 5 đồng chí Phó Trưởng ban khác.

*** Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định:**

Chuẩn y ông Nguyễn Quang Huy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Thủ tướng Chính phủ Quyết định:**

Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1964/QĐ-TTg phê duyệt Danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số.

Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Ủy ban).

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính làm Chủ tịch Ủy ban.

Phó Chủ tịch Ủy ban gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban); Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Ủy viên, gồm: Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn; Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt; Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phúc; Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng; Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn; Bộ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Thanh Long; Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên; Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nguyễn Thị Hồng; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng.

Thủ tướng Chính phủ cũng phê duyệt Danh sách lãnh đạo Tổ công tác giúp việc Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (Tổ công tác).

Cụ thể, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng làm Tổ trưởng.

Các Tổ phó gồm: Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Phạm Anh Tuấn; Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Huy Dũng; Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Duy Đông; Thứ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Sinh Nhật Tân; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh; Phó Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nguyễn Ngọc Cảnh.

*** Bộ Quốc phòng:**

Đại tá Trương Xuân Lai, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Quân sự tỉnh, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông chuẩn bị nghỉ hưu theo chế độ.

Đại tá Đỗ Nguyên Hoài, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông giữ chức vụ Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông.

*** Bộ Công an:**

Đại tá Nguyễn Minh Ngọc, Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục An ninh điều tra, Bộ Công an.

Đại tá Lâm Thành Sol, Phó Giám đốc Công an tỉnh An Giang được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Sóc Trăng.

*** Bộ Ngoại giao:**

Bà Tôn Thị Ngọc Hương, Phó Vụ trưởng Vụ ASEAN được điều động và cử làm Quyền Giám đốc Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ đối ngoại, Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao.

Ông Phan Minh Giang, hoàn thành Tập sự Phó Vụ trưởng Vụ ASEAN được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ ASEAN, Bộ Ngoại giao.

Ông Nguyễn Tuấn Phong được công nhân là Tập sự Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao.

*** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Ông Dương Tất Thắng, Quyền Cục trưởng Cục chăn nuôi được bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục chăn nuôi, kể từ ngày 22/11/2021.

Ông Nguyễn Xuân Chinh, Trưởng phòng Phòng Quản trị và Y tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*** Tòa án nhân dân tối cao:**

Ông Trần Huy Đức, Thẩm phán cao cấp, Chánh Văn phòng Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, kể từ ngày 01/12/2021.

Ông Phạm Tấn Hoàng, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kể từ ngày 01/12/2021.

*** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:**

Ông Phạm Minh Tú, Chánh Văn phòng giúp việc Hội đồng thành viên Công ty Quản lý tài sản (VAMC) được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày 23/11/2021.

*** Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương quyết định:**

Chỉ định ông Lại Xuân Môn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Cơ quan Ban Tuyên giáo Trung ương, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Thành phố Hà Nội:**

Bà Triệu Thị Ngọc, Trưởng phòng Ban, ngành, sở và đảng bộ trực thuộc, Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Thành ủy.

*** Tỉnh Bắc Ninh:**

Bà Nguyễn Hải Yến, Phó Bí thư Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; điều động về Ban Tổ chức Tỉnh ủy công tác và bổ nhiệm giữ chức Phó Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, kể từ ngày 25/11/2021.

Bà Nguyễn Thị Lệ Tuyết, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Từ Sơn được tiếp nhận, điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

Ông Nguyễn Văn Phúc, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

Ông Vũ Hùng, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh được tiếp nhận, điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Ông Trần Sơn Tùng, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp - Chính sách cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy được tiếp nhận, điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Ông Trần Xuân Nhiên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lương Tài được điều động về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Ninh công tác và chỉ định giữ chức Ủy viên Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Ninh, kể từ ngày 25/11/2021; giới thiệu đề Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh hiệp thương cử giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2019 - 2024.

*** Tỉnh Lạng Sơn:**

Ông Sái Văn Đông, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Hữu Lũng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy, kể từ ngày 20/11/2021;

Ông Đinh Đức Chính, Phó Chánh văn phòng Tỉnh ủy được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Hữu Lũng nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 20/11/2021.

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy Lạng Sơn nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 20/11/2021 để giới thiệu bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Vũ Hoàng Quý, Giám đốc Sở Tài chính được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, kể từ ngày 20/11/2021.

*** Tỉnh Thừa Thiên - Huế:**

Ông Nguyễn Quang Huy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế được chuẩn y giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Quảng Bình:**

Bác sĩ Dương Thanh Bình, Giám đốc Bệnh viện hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới (thuộc Bộ Y tế) được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Y tế, kể từ ngày 26/11/2021.

*** Tỉnh Ninh Thuận:**

Ông Nguyễn Minh Thái, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

*** Tỉnh An Giang:**

Ông Lê Quốc Cường, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

Ông Lê Việt Phương, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề An Giang.

Ông Nguyễn Thành Huân, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Công Thương

Bà Phan Thị Kim Hai, Chánh Thanh tra Sở Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính.

Nguồn: baohinhphu.vn